

**BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC**  
**KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**  
**THÁNG 1/2024**

## BA ĐỘNG LỰC CHÍNH CỦA TĂNG TRƯỞNG: ĐẦU TƯ, TIÊU DÙNG VÀ XUẤT KHẨU PHỤC HỒI TÍCH CỰC

- Tốc độ tăng trưởng GDP của cả năm 2023 đạt 5.05%
- Lĩnh vực sản xuất tiếp tục bị thu hẹp nhưng có cải thiện hơn so với tháng trước
- Thị trường trong nước và xuất khẩu được cải thiện ở những tháng cuối năm
- Vốn đầu tư công và FDI giải ngân tích cực, giải ngân đầu tư công đạt 85.3% kế hoạch, FDI giải ngân tăng 3.5%yoy
- Lạm phát và tỷ giá được kiểm soát linh hoạt trong năm 2023
- Thanh khoản liên ngân hàng vẫn tích cực, lãi suất huy động chạm đáy, lãi suất cho vay kỳ vọng chạm đáy vào quý 1.2024
- Tín dụng tăng tốc ở giai đoạn cuối năm, tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt 13.71%
- Dự báo của TPS và số liệu thực tế từ GSO về một số chỉ tiêu kinh tế Vĩ Mô

## TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 01/2024: CẦN THÊM THỜI GIAN ĐỂ HẤP THỤ LỰC BÁN TẠI VÙNG 1,150-1,160.

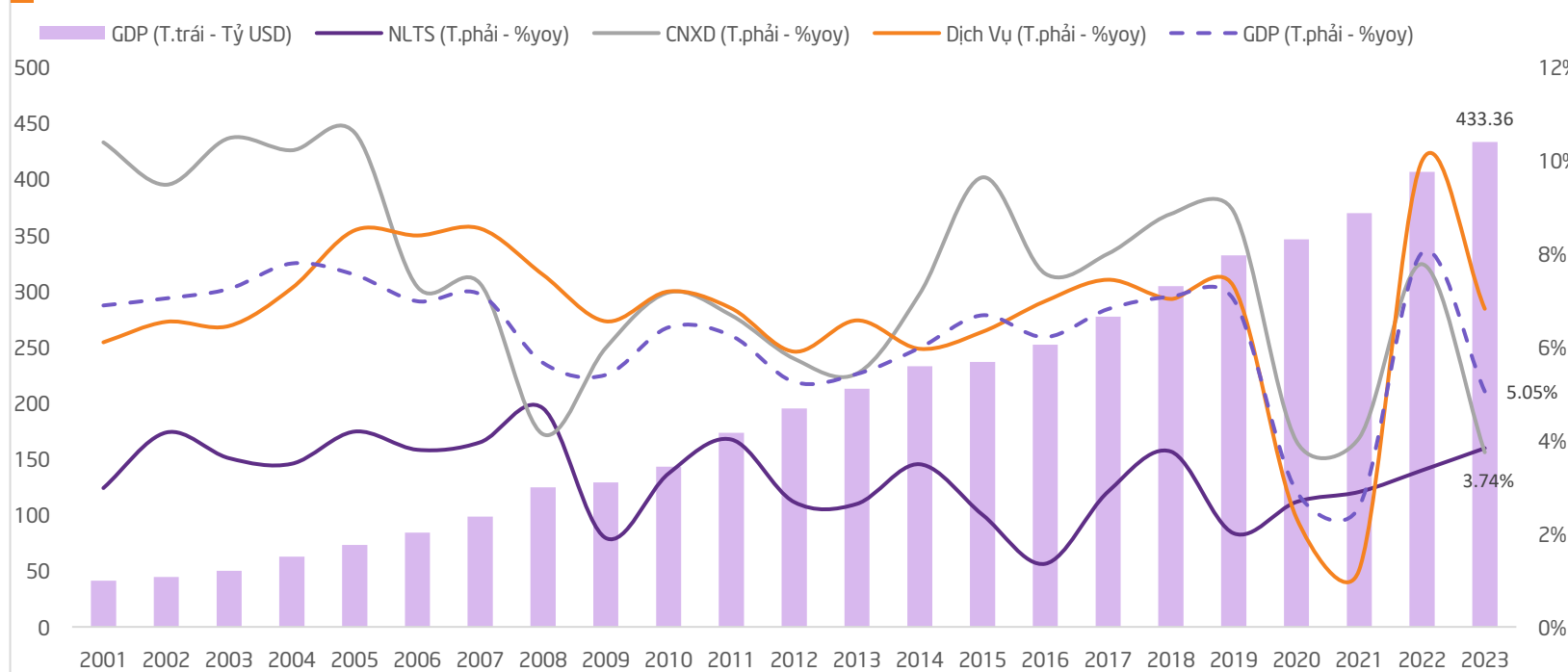
- VN30 bùng nổ trở lại bất chấp áp lực bán ròng từ khối ngoại
- Thanh khoản tiếp tục trầm lắng
- Khối ngoại đẩy mạnh áp lực bán ở tháng cuối năm
- Tốc độ rút ròng tại các ETF gia tăng
- VN-Index nhiều khả năng sẽ dao động quanh vùng 1,130 – 1,160 trong tháng 1/2024
- [Danh mục cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT](#)



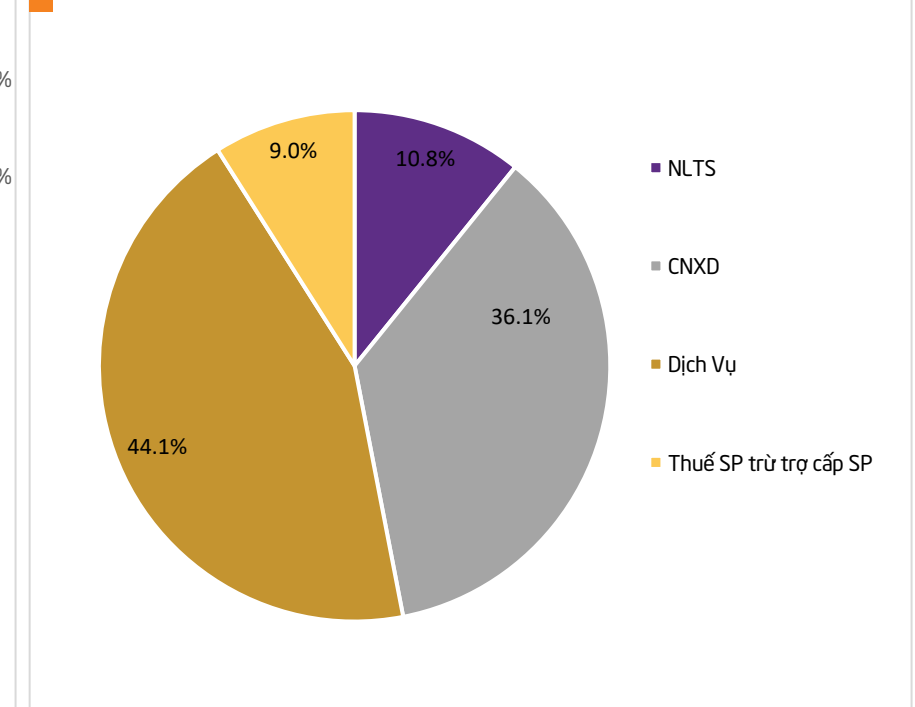
# Tốc độ tăng trưởng GDP của cả năm 2023 đạt 5.05%

- Tăng trưởng GDP năm 2023 ước khoảng 433.36 tỷ USD, tăng 5.05%yoy, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2.87% và 2.55% của năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011- 2023. Trong đó, khu vực Nông – lâm – thuỷ sản tăng 3.83%yoy, đóng góp 8.84% vào mức tăng GDP; khu vực Công nghiệp-xây dựng tăng 3.74%, đóng góp 28.87%; và khu vực dịch vụ tăng 6.82%, đóng góp 62.29%.
- Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực Nông-lâm-thuỷ sản chiếm tỷ trọng 11.96%, khu vực Công nghiệp-xây dựng chiếm 37.12%, khu vực dịch vụ chiếm 42.54% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8.38% - không có nhiều thay đổi so với năm 2022.
- Về sử dụng GDP năm 2023, tiêu dùng cuối cùng tăng 3.52%yoy, đóng góp 41.04% vào mức tăng GDP; tích lũy tài sản tăng 4.09%, đóng góp 26.64%; xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ giảm 2.54%; nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ giảm 4.33%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đóng góp 32.32%.

**Tốc độ tăng trưởng GDP theo ngành (% yoy)**



**Dịch vụ và công nghiệp - xây dựng đóng góp trên 80% GDP năm 2023**

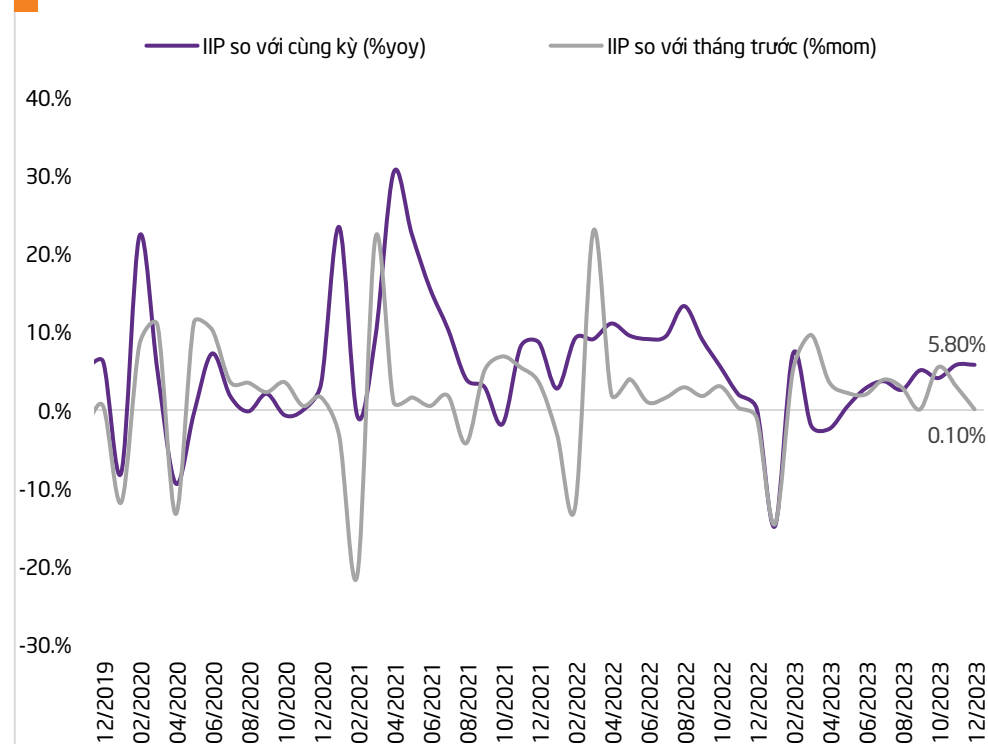


Nguồn: GSO & TPS Research

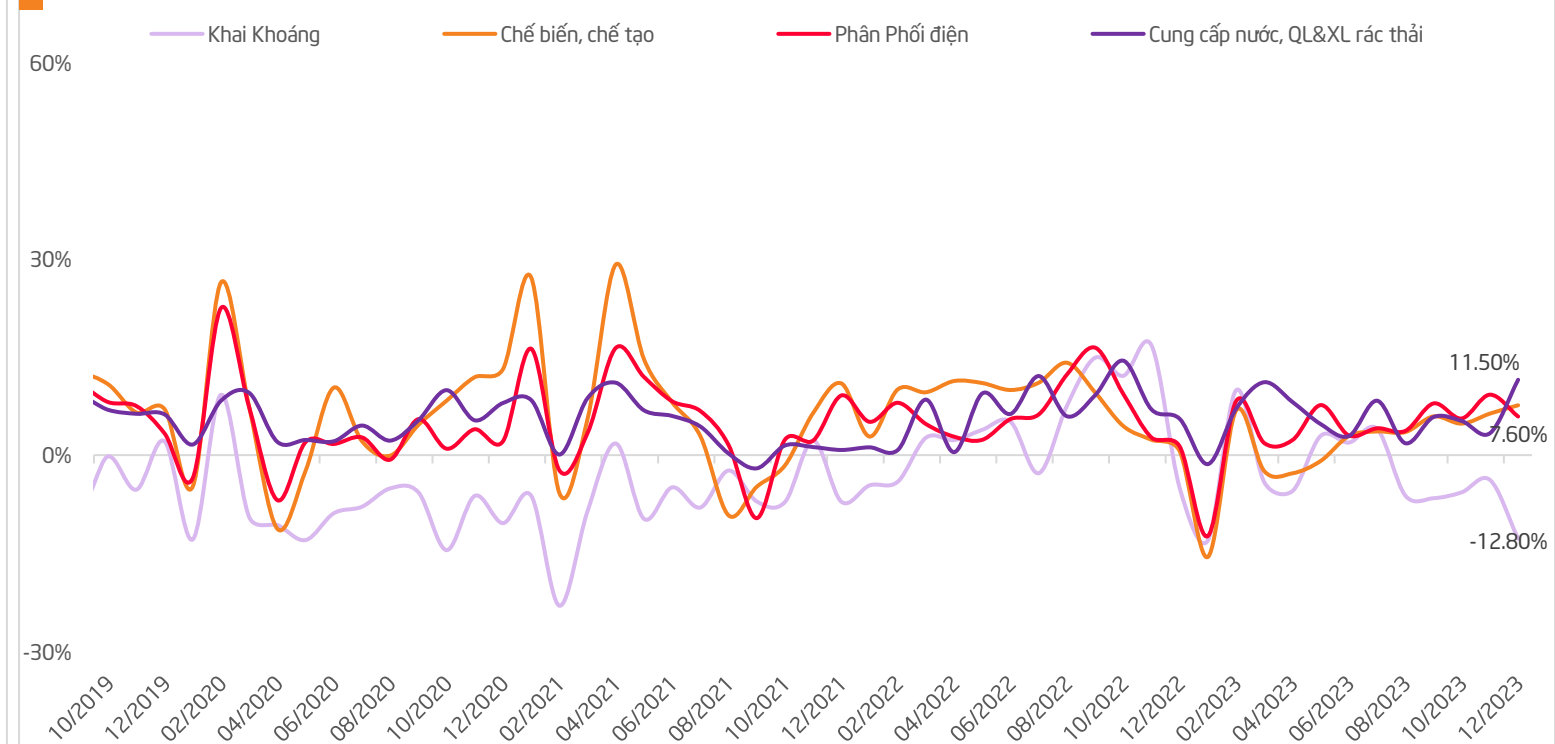
# Lĩnh vực sản xuất duy trì đà tăng trưởng tháng thứ 8 liên tiếp so với cùng kỳ

- IIP tháng 12 tăng 0.1%mom và 5.8%yoy. Tính chung năm 2023, IIP tăng 1.5%yoy. Trong đó, IIP năm 2023 ngành khai khoáng giảm 3.9%yoy, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 1.6%yoy, ngành sản xuất và phân phối điện khí tăng 3.5%, cung cấp nước & xử lý rác thải tăng 5.8%yoy.
- Một số ngành có IIP cao gồm: sản xuất sản phẩm từ cao su & plastic (+13.2%yoy), sản xuất sản phẩm thuốc lá (+10.1%yoy), khai thác quặng kim loại (+9.5%), sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (+9.5%), sản xuất sản phẩm kim loại đúc sẵn (8.3%), thu gom và xử lý phế liệu (7.8%) và sản xuất kim loại (7.6%). Một số ngành có IIP thấp gồm: sản xuất phương tiện vận tải (-10.7%), hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng (-8.7%) và khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (-5.7%).
- Một số sản phẩm có IIP cao gồm: Đường kính (+30.9%), NPK (18.6%), Thép (+12.7%), vải dệt từ sợi thiên nhiên và nhân tạo (+7.5%) và sữa (7.5%). Một số sản phẩm có IIP thấp gồm: Xe máy (-12.6%), Ô tô (-12.3%), điện thoại di động (-9.9%), thép (-8.9%) và khí đốt thiên nhiên (-7.4%).

Diễn biến tăng trưởng IIP so với cùng kỳ và tháng trước.



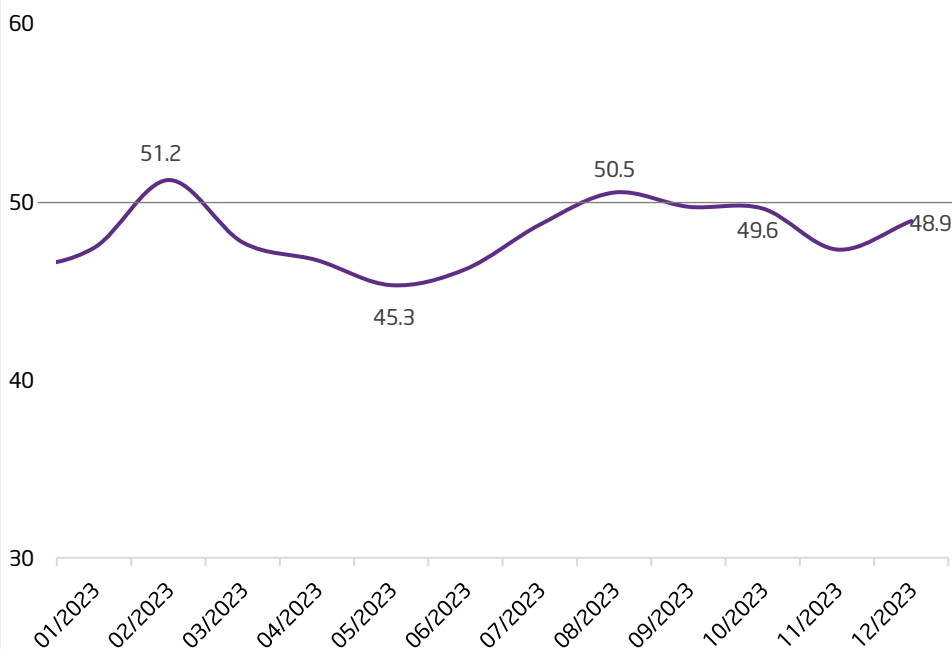
Ngoại trừ nhóm ngành khai khoáng, các nhóm ngành khác đều duy trì được mức tăng trưởng IIP so với cùng kỳ (%yoy)



# PMI của Việt Nam được cải thiện ở tháng cuối năm, nhưng vẫn dưới ngưỡng 50

- PMI-ASEAN giảm nhẹ từ 50 điểm tháng 11.2023 còn 49.7 điểm tháng 12.2023 – biểu thị sự suy giảm sức khỏe lĩnh vực sản xuất của toàn khu vực. Trọng tâm của sự suy giảm này là do số lượng đơn hàng mới giảm mạnh, từ đó tác động lên tăng trưởng sản lượng. Tuy nhiên, điểm sáng của ngành là sự tăng trở lại của hoạt động tuyển dụng. Số lượng nhân sự đã tăng lần đầu tiên trong 4 tháng, mặc dù mức tăng khá thấp. Ở tháng cuối năm 2023, trong 6 quốc gia ASEAN, chỉ có Indonesia và Philippine là duy trì được sự mở rộng trong lĩnh vực sản xuất, các quốc gia còn lại bao gồm Thái Lan, Malaysia, Việt Nam, Singapore đều thu hẹp trong lĩnh vực sản xuất.
- PMI của Việt Nam được cải thiện từ 47.3 điểm ở tháng 11.2023 lên 48.9 điểm tháng 12.2023. Tuy nhiên, PMI của Việt Nam vẫn dưới ngưỡng 50 – cho thấy ngành sản xuất của Việt Nam vẫn suy giảm ở tháng cuối năm 2023. Sự suy giảm này chủ yếu là do nhu cầu yếu dẫn tới sản lượng giảm. Trước tình trạng nhu cầu yếu, các công ty đã phải hạn chế tăng giá bán hàng trong tháng 12 để thu hút đơn đặt hàng mới. Tình trạng này diễn ra bất chấp việc chi phí đầu vào của họ tiếp tục tăng đáng kể.

Trong năm 2023, 10/12 tháng PMI của Việt Nam ở dưới ngưỡng 50.

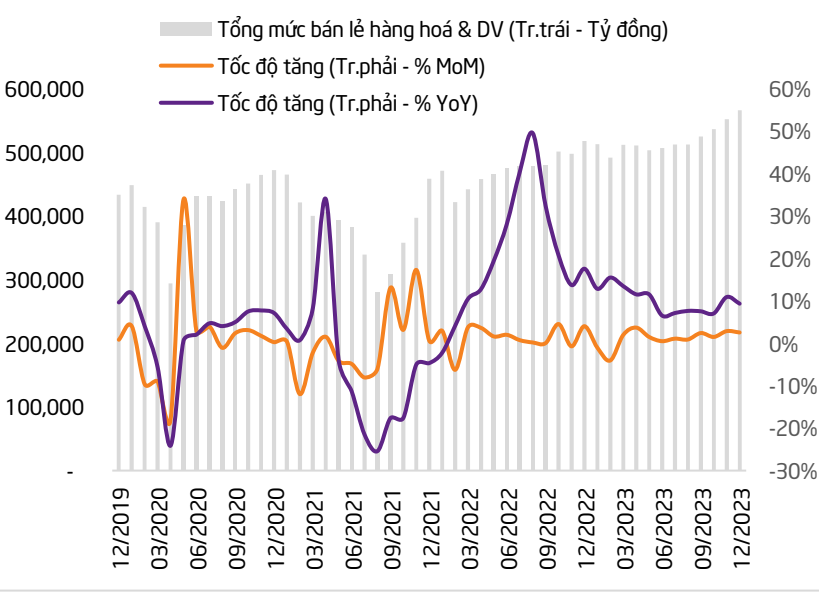


Tháng	Thai Lan	Malaysia	Indonesia	Philippine	Vietnam	Singapore	ASEAN-6	Toàn Cầu	Hoa Kỳ	EU
01/2023	54.5	46.5	51.3	53.5	47.4	51.9	51.0	49.1	46.9	48.8
02/2023	54.8	48.4	51.2	52.7	51.2	50.0	51.5	50.0	47.3	48.5
03/2023	53.1	48.8	51.9	52.5	47.7	49.9	51.0	49.6	49.2	47.3
04/2023	60.4	48.8	52.7	51.4	46.7	49.7	52.7	49.6	50.2	45.8
05/2023	58.2	47.8	50.3	52.2	45.3	49.5	51.1	49.6	48.4	44.8
06/2023	53.2	47.7	52.5	50.9	46.2	49.7	51.0	48.8	46.3	43.4
07/2023	50.7	47.8	53.3	51.9	48.7	48.5	50.8	48.6	49.0	42.7
08/2023	48.9	47.8	53.9	49.7	50.5	51.3	51.0	49.0	47.9	43.5
09/2023	47.8	46.8	52.3	50.6	49.7	53.6	49.6	49.1	49.8	43.4
10/2023	47.5	46.8	51.5	52.4	49.6	53.7	49.6	50.5	50.0	43.1
11/2023	47.6	47.9	51.7	52.7	47.3	50.3	50.0	49.3	49.4	44.2
12/2023	45.1	47.9	52.2	51.5	48.9	50.5	49.7	49.0	47.9	44.4

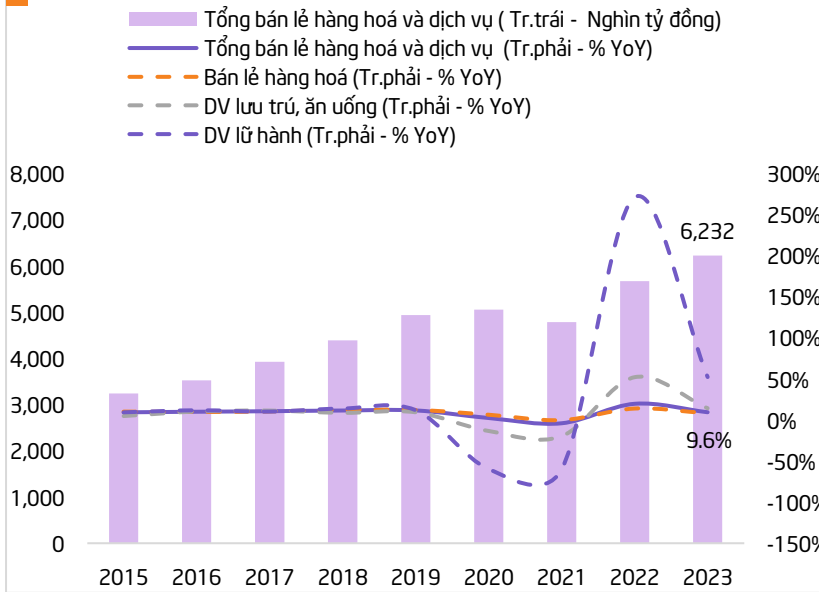
# Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2023 tăng 9.6%

- Hoạt động bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng diễn ra khá sôi động ở những tháng cuối năm 2023. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước khoảng 6,239 nghìn tỷ đồng, tăng 9.6%yoy. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hoá chiếm khoảng 78%, tăng 8.6%yoy; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống chiếm 10.8%, tăng 14.7%yoy và doanh thu du lịch lữ hành chiếm 0.6%, tăng 52.5%yoy.
- Khách quốc tế tới Việt Nam đã phục hồi trong năm 2023, đạt khoảng 12.6 triệu lượt người, gấp 3.4 lần năm 2022 và bằng 70% năm 2019 (trước khi có dịch Covid)
- Như vậy, nhìn lại cả năm 2023, mặc dù tiêu dùng trong nước có tăng trưởng chậm hơn so với năm trước nhưng vẫn là một năm khá tích cực của thị trường nội địa khi luôn duy trì được mức tăng trưởng từ 1 đến 2 chữ số so với cùng kỳ, đặc biệt là sự phục hồi rất tích cực ở 2 tháng cuối năm 2023.

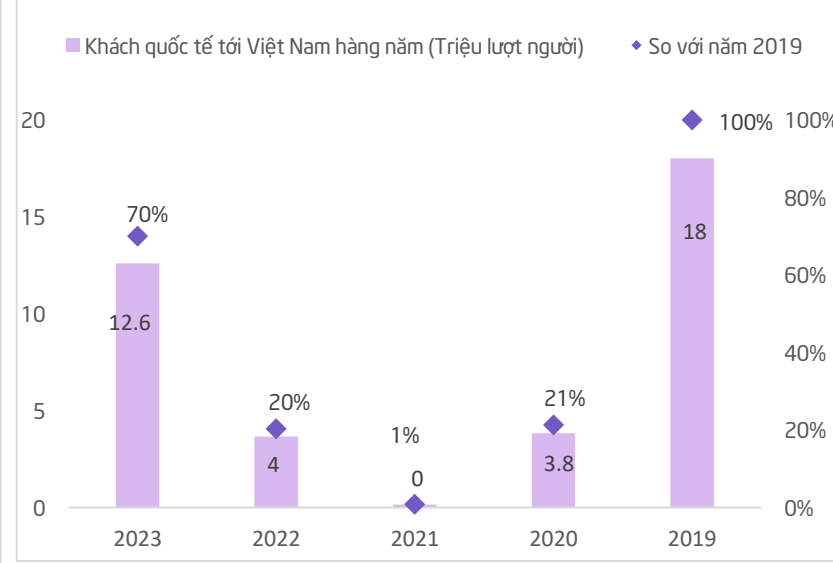
### Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



### Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2015-2023



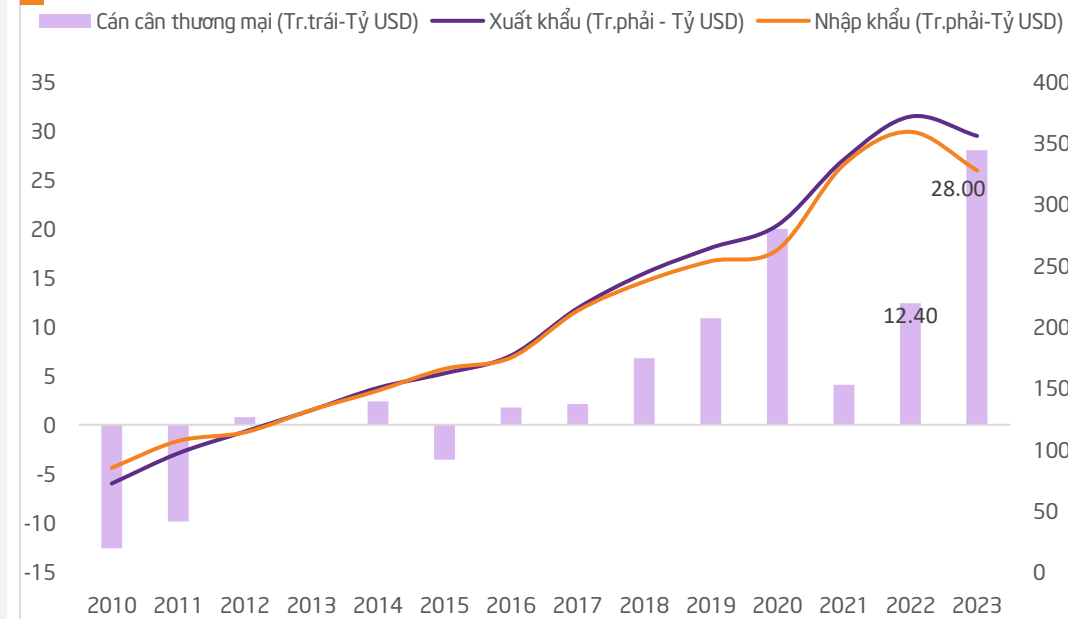
### Khách quốc tế tới Việt Nam năm 2023 gấp 3.4 lần năm 2022, phục hồi 70% so với trước dịch



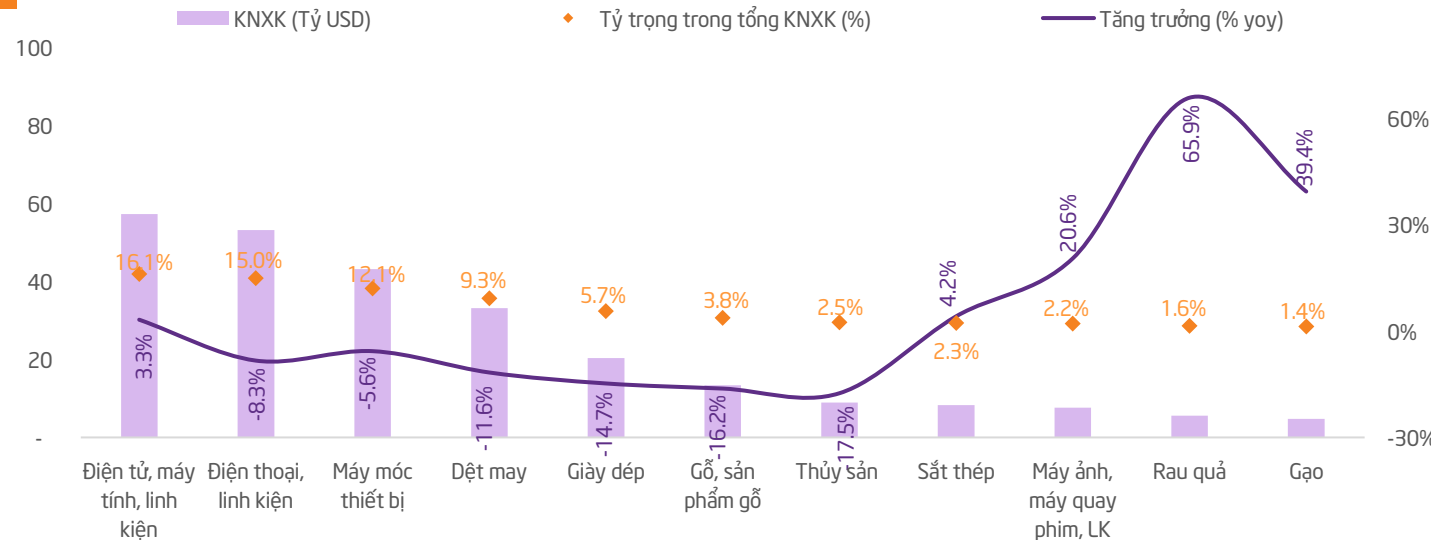
# Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2023 đạt 683 tỷ USD, xuất siêu 28 tỷ USD

- Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu ước 355.5 tỷ USD, giảm 4.4%yoy; kim ngạch nhập khẩu ước 327.5 tỷ USD, giảm 8.9%yoy. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm đạt 683 tỷ USD, giảm 6.5%yoy. Cán cân thương mại hàng hoá năm 2023 xuất siêu 28 tỷ USD (năm 2022 xuất siêu 12.4 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 21.74 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 49.74 tỷ USD.
- Về thị trường xuất khẩu: Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam – chiếm 27% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam 2023 và là thị trường có kim ngạch xuất khẩu sụt giảm lớn nhất – giảm 11.6%yoy, theo sau là Trung Quốc – chiếm 17%, tăng 6.4%yoy; EU – chiếm 12%, giảm 5.9%yoy; ASEAN – chiếm 9%, giảm 4.1%yoy; Hàn Quốc – chiếm 7%, giảm 3.4%yoy và Nhật Bản – chiếm 7%, giảm 3.2%yoy.
- Điểm tích cực là tốc độ giảm của kim ngạch xuất nhập khẩu giảm tốc dần ở những tháng cuối năm khi hàng tồn kho ở các thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ giảm xuống, cầu cũng tăng lên khi lạm phát ở những quốc gia này hạ nhiệt và Fed chuẩn bị kết thúc chu kỳ tăng lãi suất.

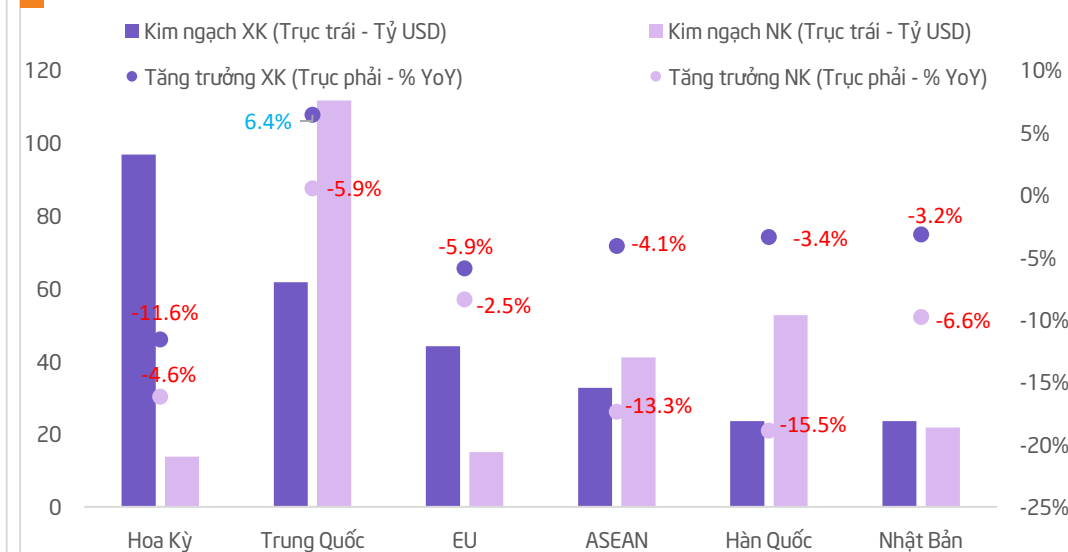
## Năm 2023 xuất siêu 28 tỷ USD, gấp 2.5 lần so với năm 2022



## Tăng trưởng xuất khẩu của một số mặt hàng năm 2023



## Xuất nhập khẩu sang các thị trường chính sụt giảm trong năm 2023

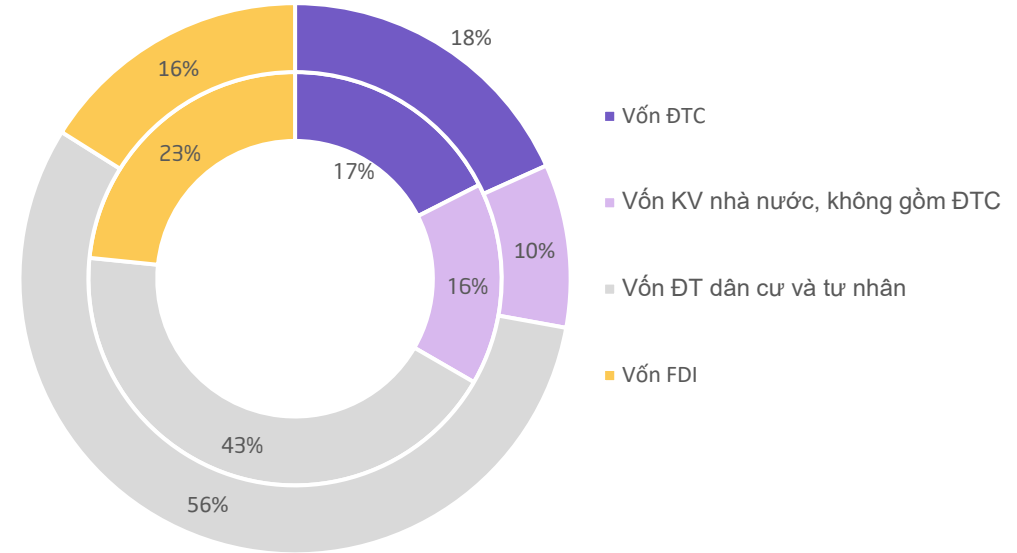




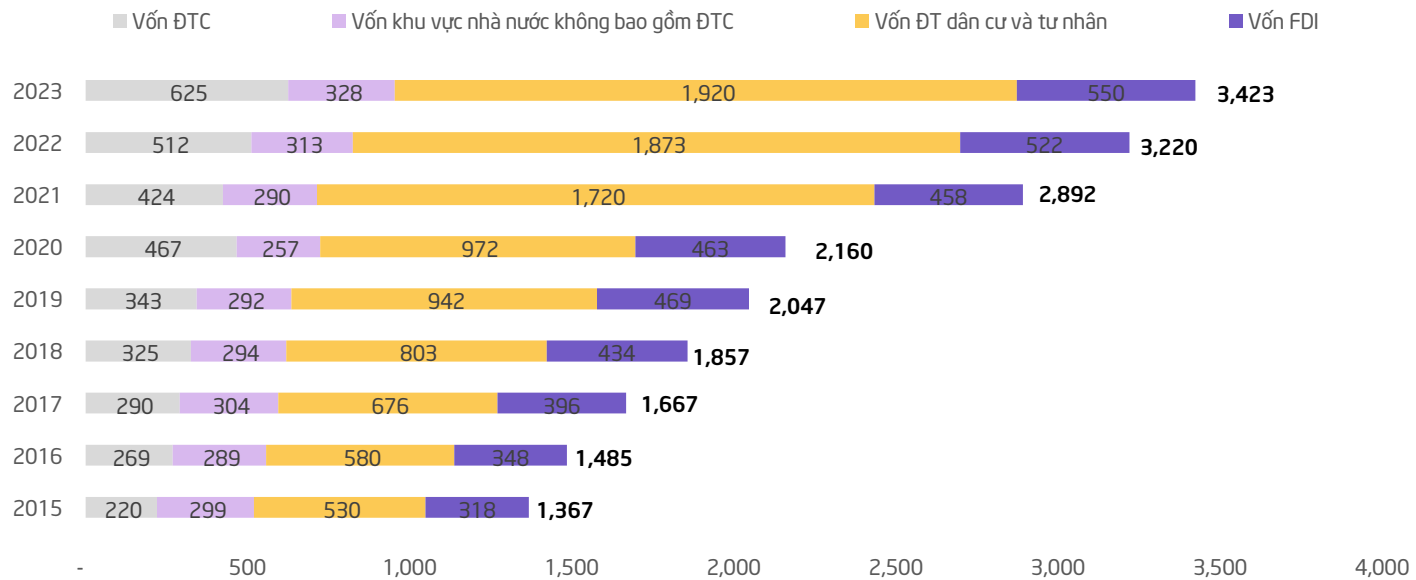
# Vai trò vốn đầu tư từ nguồn dân cư và tư nhân ngày càng tăng

- Tỷ trọng đóng góp của vốn đầu tư từ nguồn dân cư và tư nhân vào vốn toàn xã hội ngày càng tăng trong 3 năm gần đây (2021 – 2023). Tỷ trọng vốn đầu tư tư nhân trong vốn toàn xã hội tăng từ 43% năm 2019 lên 56% vào năm 2023. Tương tự, tỷ trọng vốn đầu tư từ nguồn đầu tư công cũng tăng lên từ 17% năm 2019 lên 18% năm 2023. Ngược lại, tỷ trọng vốn đầu tư từ nguồn khu vực nhà nước không bao gồm đầu tư công và vốn từ nguồn FDI giảm xuống.
- Kết quả này cho thấy rằng, vốn đầu tư từ các nguồn ngân sách nhà nước và FDI đang phát huy hiệu quả trong việc làm đòn bẩy để thu hút nguồn vốn từ khu vực dân cư và tư nhân đổ vào nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây.
- Tuy nhiên, tốc độ tăng của nguồn vốn từ khu vực dân cư và tư nhân đang chậm lại trong năm 2023 so với 2 năm trước đó, điều này cũng làm chậm lại tốc độ tăng của vốn đầu tư toàn xã hội. Cụ thể, vốn đầu tư toàn xã hội của Việt Nam năm 2023 tăng 6.3%/yoy, thấp hơn so với mức tăng 11.3% ở năm 2022 và 33.9% ở năm 2021.

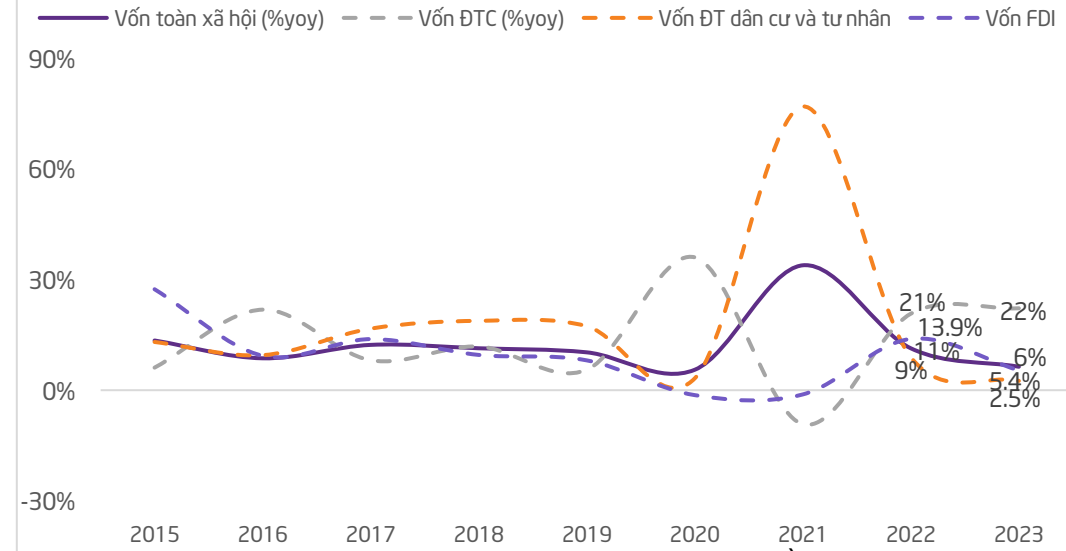
Cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội (vòng ngoài: 2023, vòng trong: 2019)



Vốn đầu tư dân cư và tư nhân đóng góp ngày càng nhiều vào vốn đầu tư toàn xã hội (Nghìn tỷ đồng)



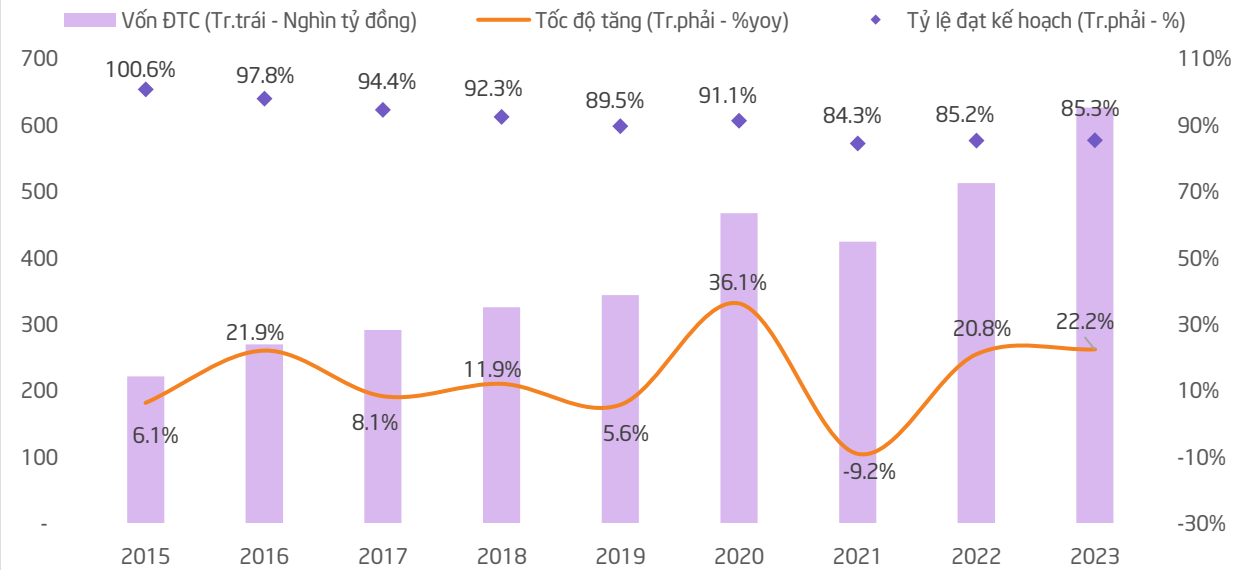
Ngoại trừ vốn ĐTC, vốn ĐT từ các nguồn khác đều có tốc độ tăng trưởng chậm lại trong 2023 (%yoy)



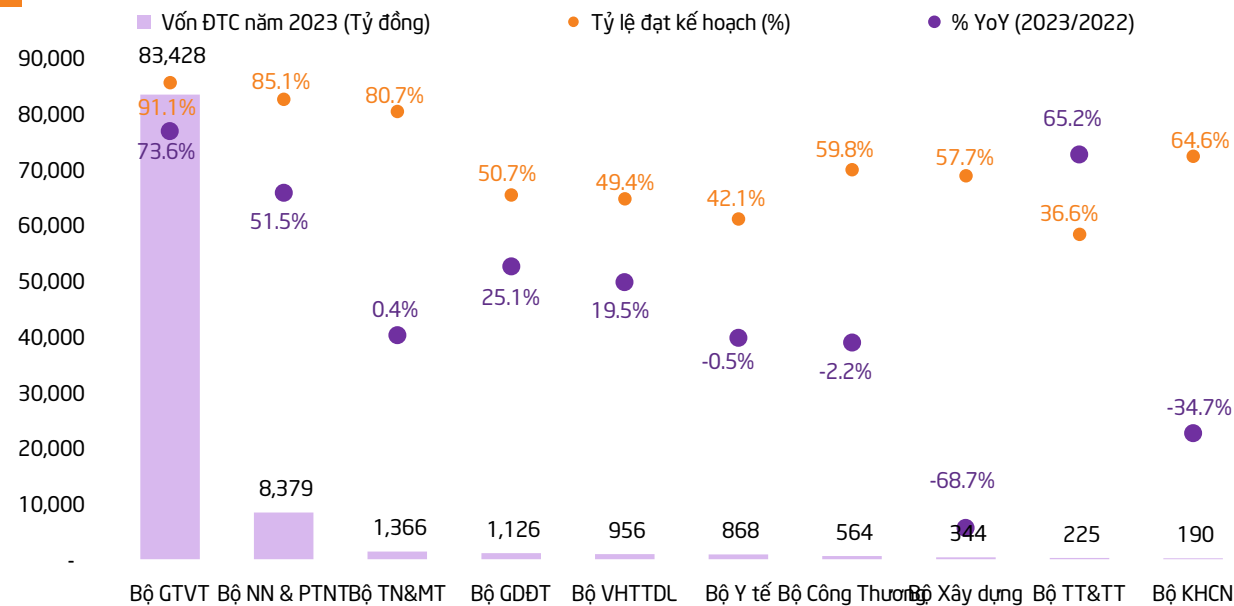
# Giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 ước đạt 85.3% kế hoạch

- Giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 ước 625.3 nghìn tỷ đồng, đạt 85.3% kế hoạch và tăng 21.2%yoy. Trong đó, vốn đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương chiếm 18.2% và từ nguồn ngân sách địa phương chiếm 81.8%.
- Giải ngân vốn đầu tư công đến từ ngân sách trung ương phần lớn đến từ bộ GTVT, chiếm khoảng 73.5% giải ngân vốn từ ngân sách trung ương và bộ NN&PTNT chiếm khoảng 7.4%. Tốc độ tăng giải ngân vốn đầu tư công của bộ GTVT và bộ NN&PTNT cũng khá cao, lần lượt là 73.6%yoy và 51.%yoy.
- Giải ngân vốn đầu tư công đến từ ngân sách địa phương phần lớn đến từ vốn ngân sách cấp tỉnh chiếm 69.1%, đạt 82.5% kế hoạch và tăng 26.1%yoy. Vốn ngân sách cấp huyện chiếm 26.9% vốn ngân sách cấp địa phương, đạt 91.1% kế hoạch, tăng 11.1%yoy và vốn ngân sách cấp xã chiếm 4.0% vốn ngân sách cấp địa phương, đạt 104.7% kế hoạch và giảm -0.25%yoy.

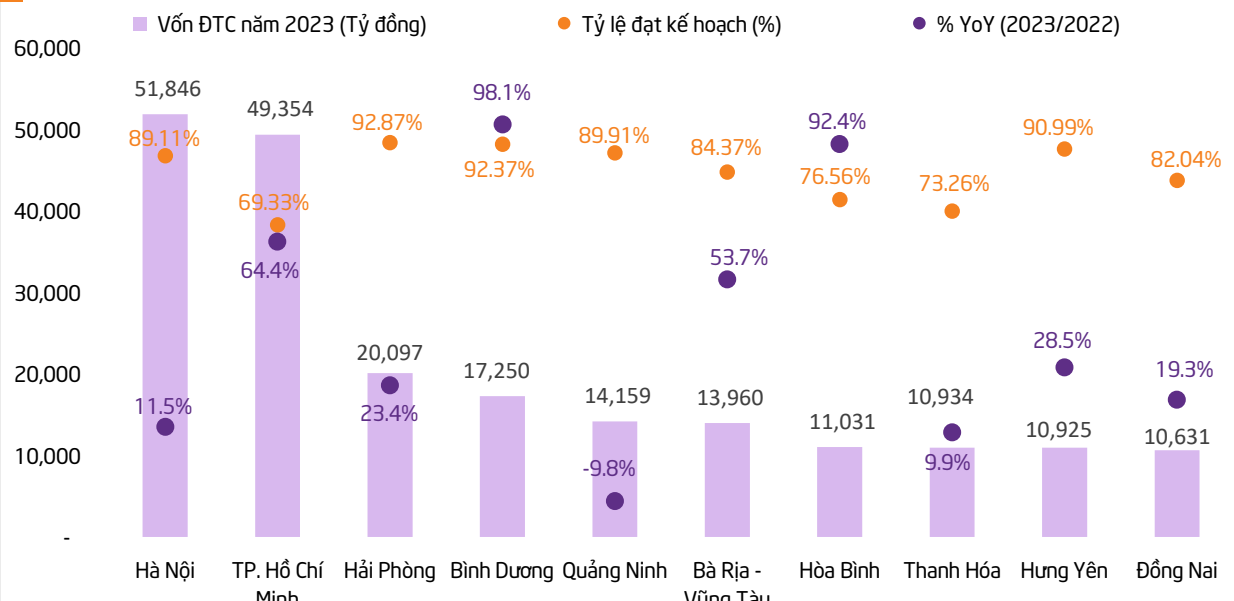
### Giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 tăng 22.2%yoy



### Giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 phân theo Bộ, ngành



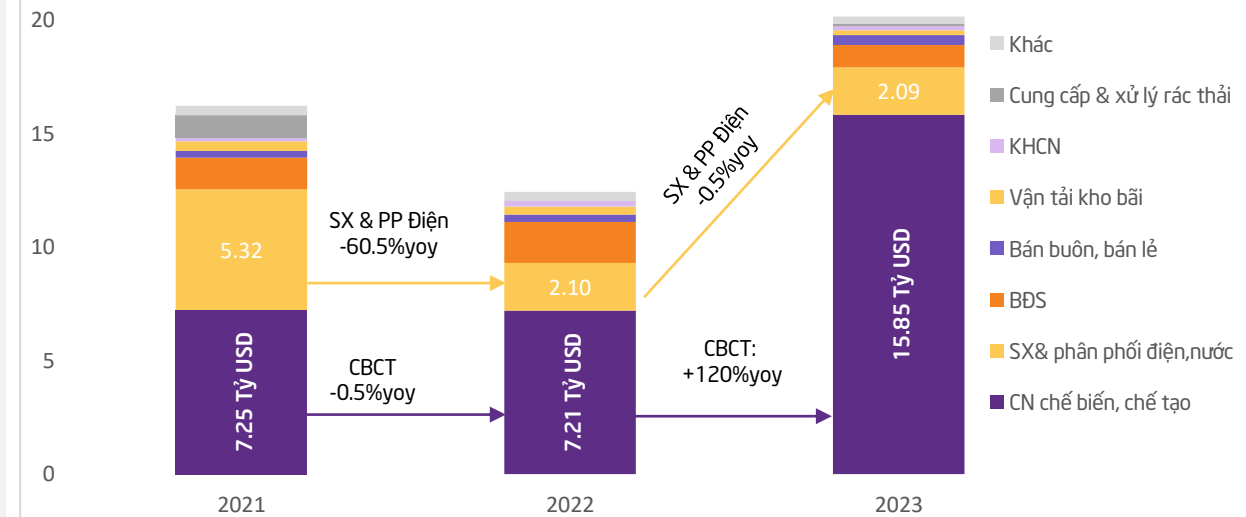
### Giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 phân theo địa phương



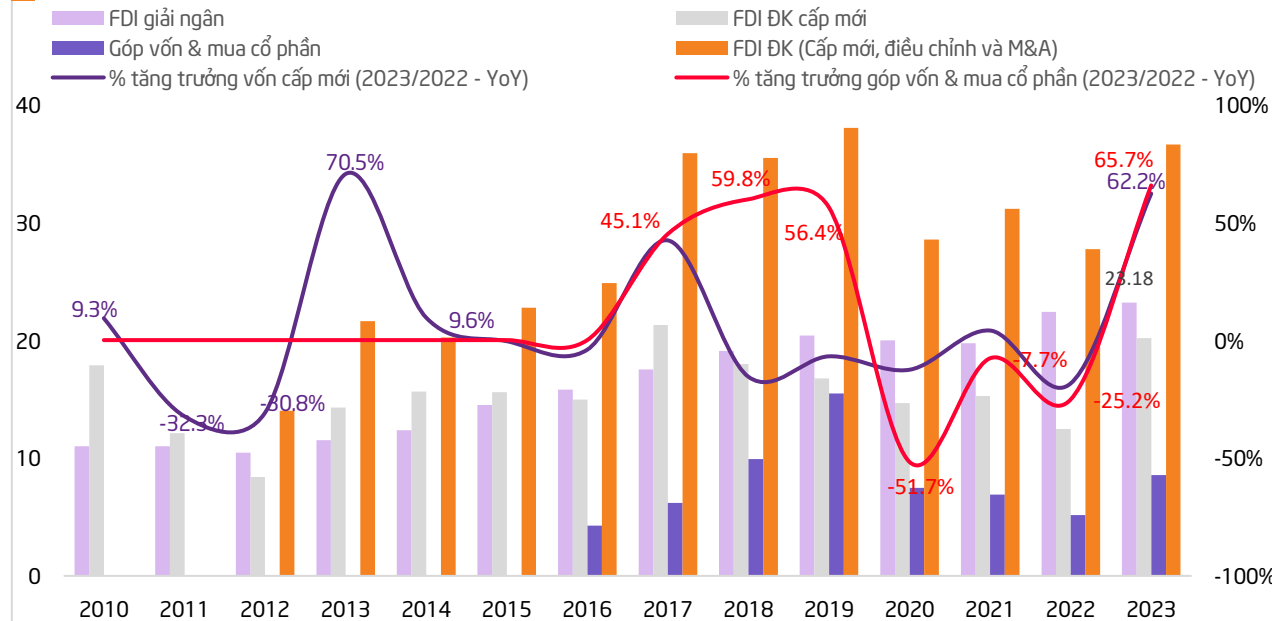
# FDI đăng ký mới năm 2023 ngành chế biến chế tạo tăng 120%yoy

- FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2023 ước đạt 23.18 tỷ USD, tăng 3.5%yoy, đây là mức cao nhất từ năm 2019 đến nay. Trong đó, công nghiệp chế biến chiếm 82.3% tổng FDI giải ngân, sản xuất và phân phối điện chiếm 5.9% và BĐS chiếm 4.9%.
- FDI đăng ký vào Việt Nam năm 2023 ước gần 36.6 tỷ USD, tăng 32.1%yoy. Trong đó, vốn đăng ký mới khoảng 20.19 tỷ USD, chiếm 55.1% tổng FDI đăng ký, tăng 62.2%yoy; vốn điều chỉnh khoảng 7.9 tỷ USD, chiếm 21.5%, giảm 22.1%yoy; vốn M&A khoảng 8.54 tỷ USD, chiếm 23.3%, tăng 65.8%yoy.
- FDI đăng ký mới phần lớn đến từ ngành chế biến chế tạo, chiếm 78.5% tổng vốn FDI năm 2023, tăng 120%yoy. Đây là ngành thu hút khá nhiều lao động. Vì vậy, nguồn vốn FDI sẽ có tác động khá tích cực tới thị trường lao động, ngành bán lẻ cũng như xuất nhập khẩu trong năm tới.

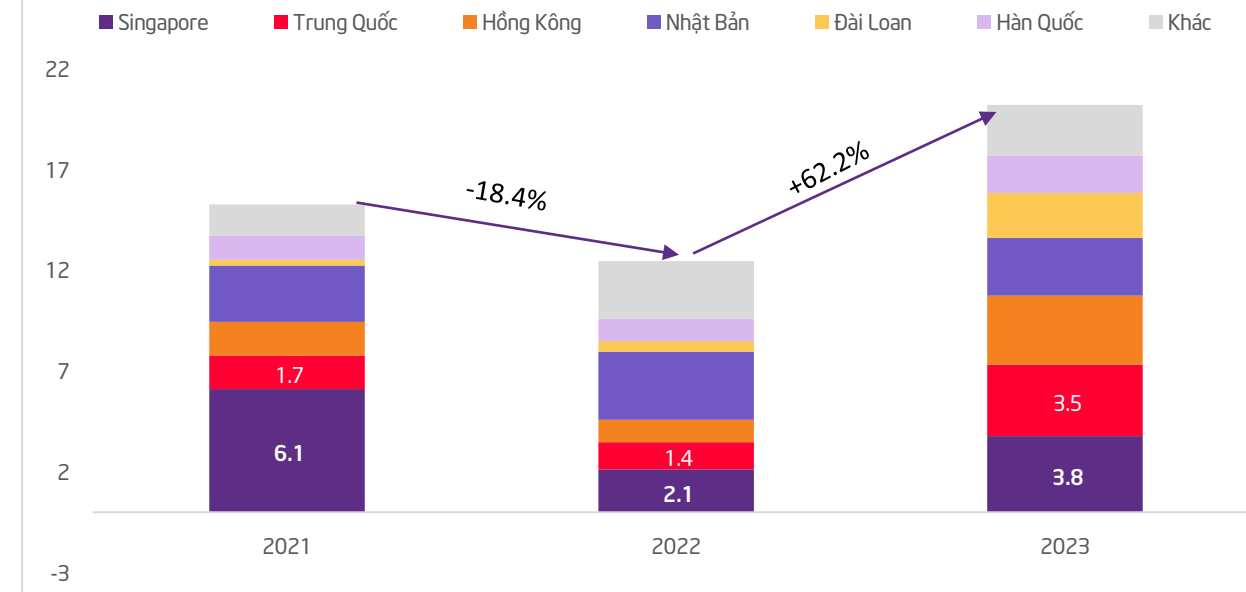
FDI đăng ký của ngành chế biến chế tạo năm 2023 tăng 120%yoy



FDI đăng ký, giải ngân và tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2010 - 2023 (Tỷ USD, %yoy)

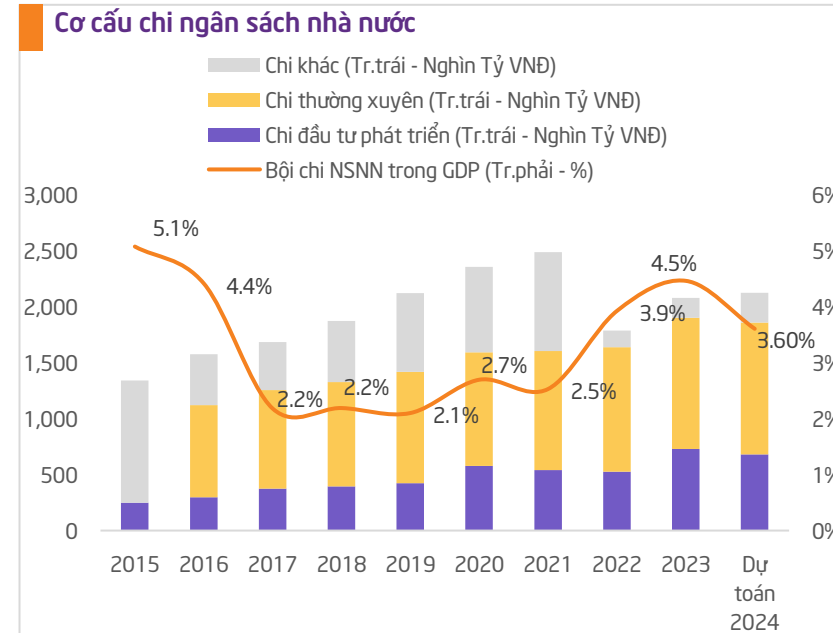
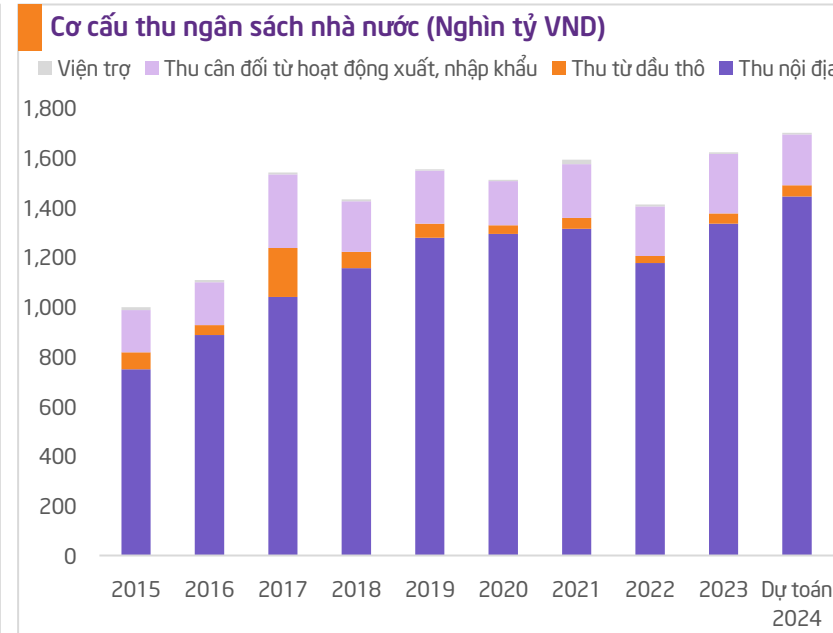
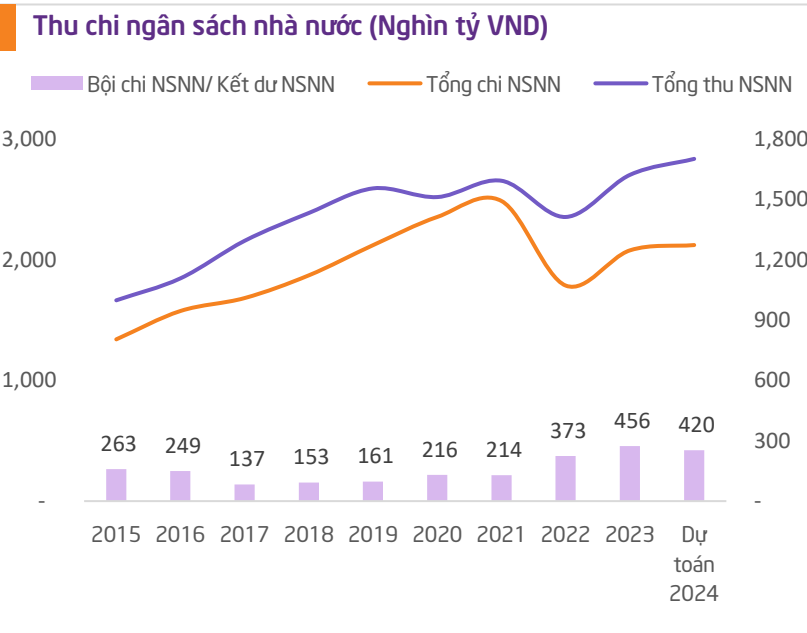


Gần 90% FDI đăng ký mới vào Việt Nam năm 2023 đến từ Singapore, Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc.



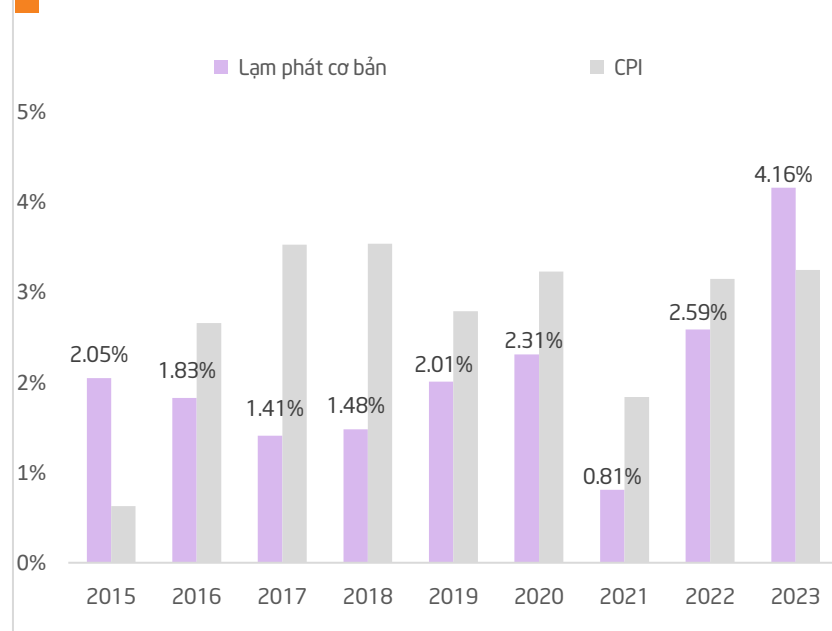
# Bội chi ngân sách năm 2023 chiếm 4.5% GDP

- Năm 2023, tổng thu NSNN ước đạt 1,621 nghìn tỷ đồng, tăng 14.8%yoy; tổng chi NSNN ước đạt 2,076 nghìn tỷ đồng, tăng 16.3%yoy; bội chi NSNN ước khoảng 456 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 4.5% GDP. Nếu so sánh với năm 2021, tổng thu NSNN tăng 1.8% và tổng chi NSNN giảm 16.4%.
- Nguồn thu NSNN năm 2023 chủ yếu đến từ thu nội địa (chiếm 83.2%), thu cân đối xuất nhập khẩu (chiếm 14.7%) và thu từ dầu thô (chiếm 2.6%). Mặc dù tình hình các doanh nghiệp trong nước không được tích cực trong năm 2023, nhưng nguồn thu nội địa vẫn duy trì được mức tăng 13%yoy, thu từ dầu thô tăng 49% và thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu tăng 20%yoy.
- Chi NSNN năm 2023 chủ yếu chi thường xuyên (chiếm 56.5%), tăng 5.5%yoy và chi đầu tư phát triển (chiếm 35%), tăng 38.1%yoy. Năm 2023, chi NSNN được phân bổ nhiều hơn cho mục chi đầu tư phát triển, tăng từ 29% trong tổng chi NSNN năm 2022 lên 35% trong tổng chi NSNN năm 2023. Điều này cho thấy, chính phủ đang quan tâm nhiều hơn và dành nhiều ngân sách hơn cho lĩnh vực đầu tư công nhằm thúc đẩy kinh tế trong năm vừa qua, đây cũng là nguồn vốn quan trọng làm tiền đề để thu hút vốn FDI và nguồn vốn từ khu vực cá nhân và tư nhân vào nền kinh tế trong những năm gần đây.

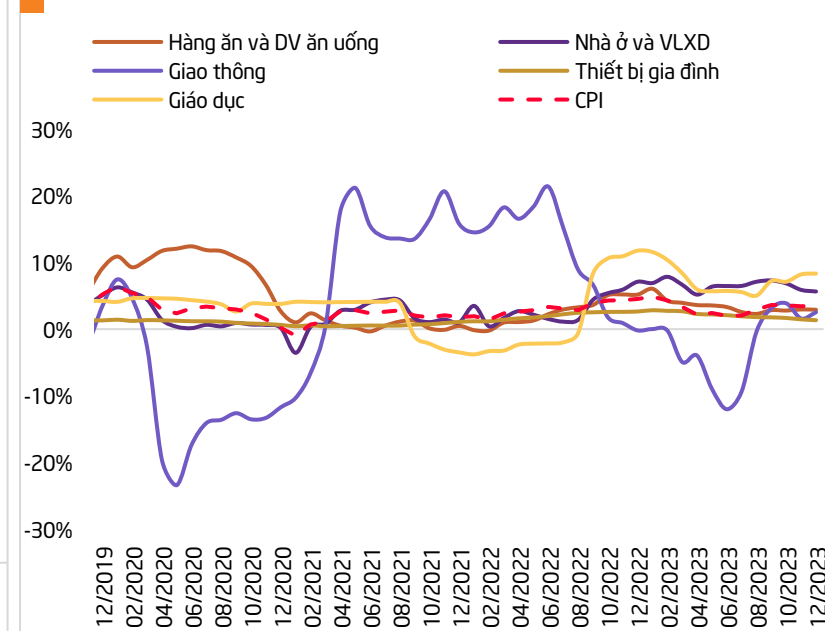


- Năm 2023, CPI tăng 3.25%yoy và lạm phát cơ bản tăng 4.16%yoy. Như vậy, kết quả CPI năm 2023 đảm bảo được mục tiêu đề ra của Quốc hội (CPI khoảng 4.5%). Tuy nhiên, mặc dù lạm phát cơ bản đang duy trì xu hướng giảm và vẫn đảm bảo được mục tiêu dưới 4.5% nhưng vẫn ở mức khá cao so với giai đoạn 2015 – 2023. Nguyên nhân chủ yếu là do bình quân giá xăng dầu trong nước năm 2023 giảm 11.02%yoy, giá gas giảm 6.94%yoy là yếu tố chính kiểm chế tốc độ tăng của CPI nhưng lại không thuộc trong danh mục để tính lạm phát cơ bản.
- Chi tiết các yếu tố góp phần hạ nhiệt CPI trong năm 2023 như sau:
  - ✓ Chỉ số giá nhóm xăng dầu giảm 11.02%yoy, làm CPI giảm 0.4 điểm phần trăm;
  - ✓ Chỉ số giá nhóm gas giảm 6.94%yoy, làm CPI giảm 0.1 điểm phần trăm;
  - ✓ Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0.81%yoy do giá điện thoại di động thế hệ cũ giảm.
- Lạm phát ở những tháng đầu năm 2024 được dự báo sẽ cao hơn những tháng cuối năm do giá cả tăng lên trong dịp tết nguyên đán, học phí tăng và hiện tượng El Nino vẫn còn. Lạm phát được kỳ vọng sẽ hạ nhiệt dần về cuối năm khi tỷ giá hạ nhiệt do Fed cắt giảm lãi suất và các xung đột địa chính trị được kỳ vọng bớt căng thẳng hơn.

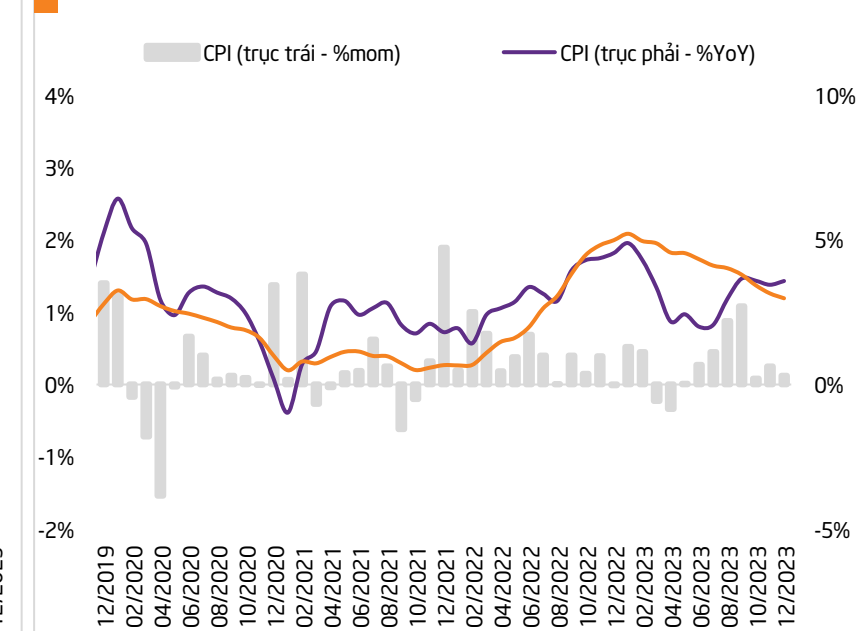
Diễn biến CPI và lạm phát cơ bản giai đoạn 2015 - 2023 (%yoy)



CPI năm 2023 trong tầm kiểm soát

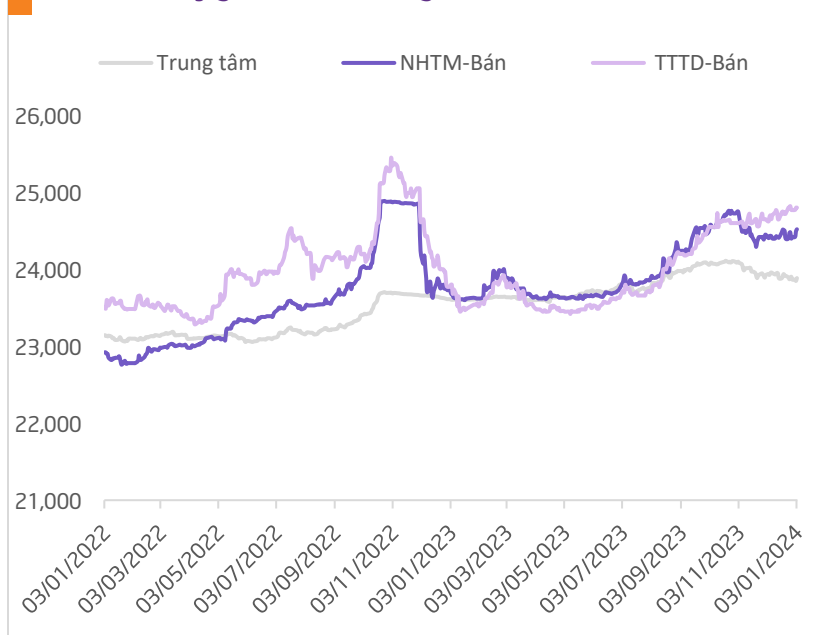


Diễn biến lạm phát của Việt Nam theo tháng

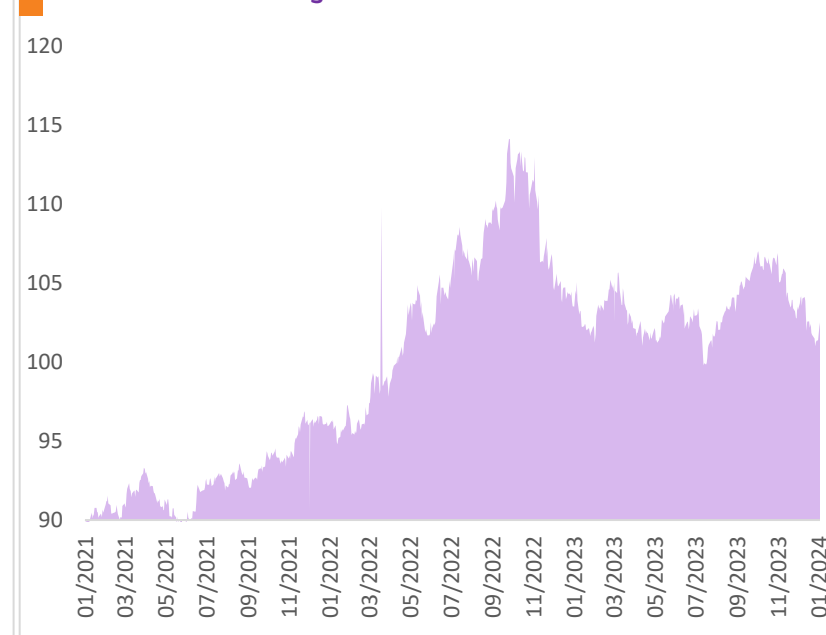


Năm 2023 được xem là năm thành công khi tỷ giá USD/VND được duy trì ở mức hợp lý trong bối cảnh diễn biến toàn cầu rất khó lường. Tại thời điểm cuối năm 2023, tỷ giá NHTM tăng 2.9%yoy, tỷ giá thị trường tự do tăng 4.2%ytd và tỷ giá trung tâm tăng 1.1%ytd. Đây là mức tăng khá hợp lý tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu và đầu tư. Trong 3 ngày đầu năm 2024, tỷ giá ngân hàng thương mại tăng 0.4%ytd, tỷ giá thị trường tự do tăng 0.1%ytd và tỷ giá trung tâm tăng 0.1%. Như vậy, mặc dù tỷ giá có căng thẳng nhẹ và vượt lên mức 4%ytd trong quý III. Tuy nhiên, diễn biến tỷ giá năm 2023 ổn định và hài hòa hơn rất nhiều so với năm 2022, đặc biệt là sau khi Fed quyết định không tăng lãi suất ở một số kỳ họp cuối năm. Hơn nữa, trong năm 2023 đã không xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn cung ngoại hối như năm trước đó. Nếu không có yếu tố bất ngờ xảy ra, tỷ giá được kỳ vọng sẽ yên bình hơn trong năm 2024 khi Fed bắt đầu chu kỳ giảm lãi suất. Tuy nhiên, khi hoạt động xuất nhập khẩu tăng mạnh trở lại, đồng USD sẽ không dồi dào như năm 2023 do xuất siêu có thể giảm khi các doanh nghiệp tăng nhập khẩu máy móc, thiết bị và nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Bên cạnh đó, thu nhập tăng cũng thúc đẩy người tiêu dùng dành ngân sách cho các sản phẩm nhập khẩu nhiều hơn.

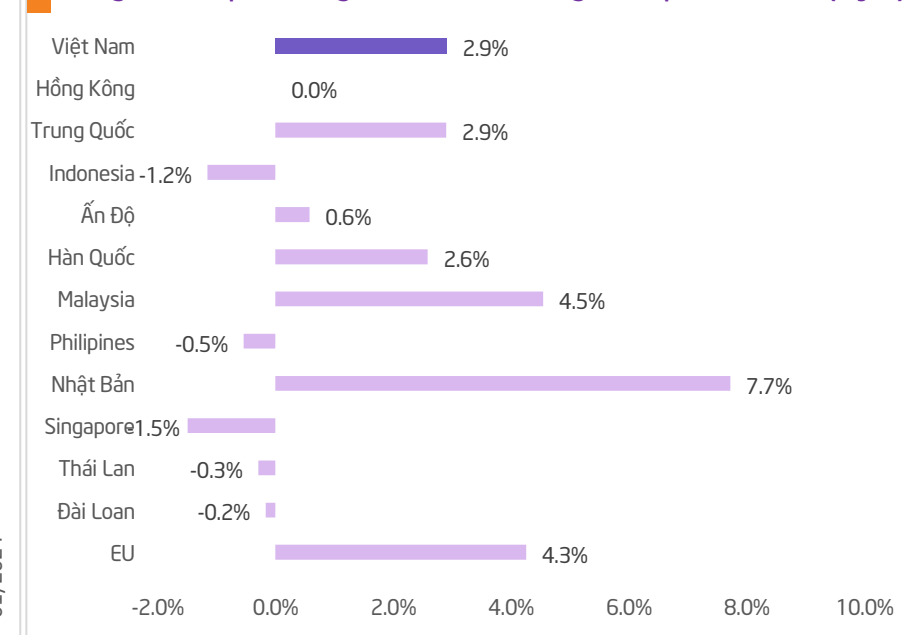
**Năm 2023, tỷ giá USD/VND tăng 2.9% tính từ đầu năm.**



**Chỉ số DXY năm 2023 giảm 2.0% so với đầu năm**



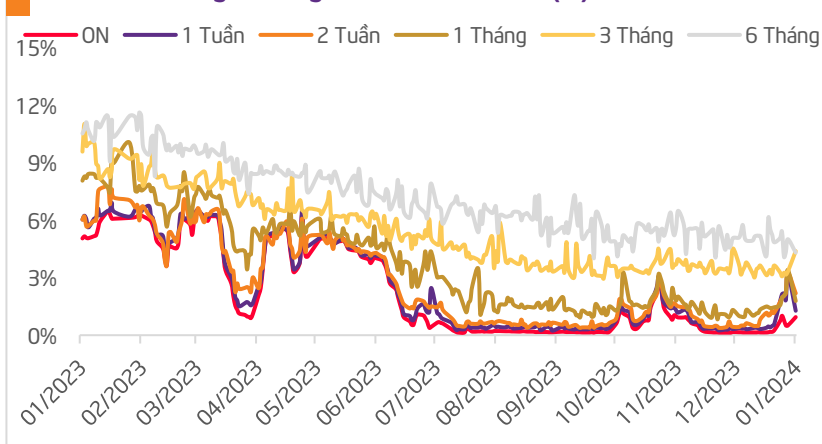
**Mất giá của một số đồng tiền chủ chốt trong khu vực so với USD (%ytd)**



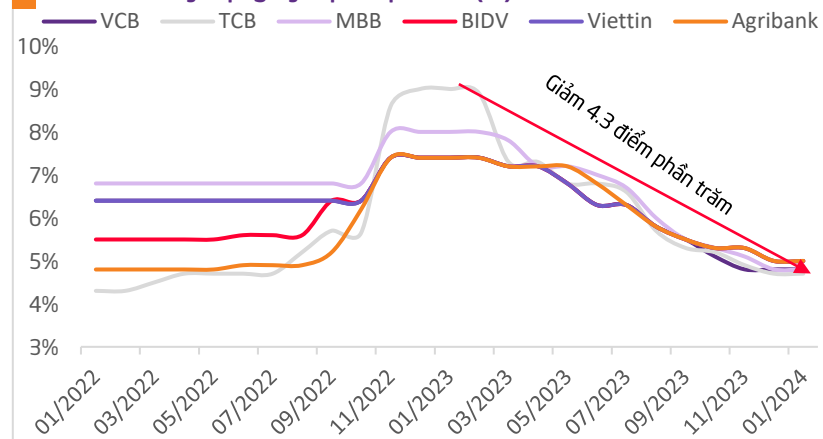
# Năm 2023, lãi suất huy động giảm mạnh theo chính sách điều hành của NHNN

- Diễn biến lãi suất khá căng thẳng ở giai đoạn cuối năm 2022 khi người dân ồ ạt rút tiền do các thông tin xấu liên quan đến một số ngân hàng lớn trong hệ thống, điều này gây sức ép cho các NHTM phải đồng loạt tăng lãi suất để thu hút nguồn tiền gửi trở lại của khách hàng. Tuy nhiên, vào đầu năm 2023, trong bối cảnh toàn cầu khá khó khăn ảnh hưởng không tích cực tới nền kinh tế của Việt Nam, NHNN bất ngờ quay ngược chính sách và đã thực hiện 4 lần điều chỉnh lãi suất điều hành, đưa lãi suất tái cấp vốn từ 6%/năm còn 4.5%/năm và lãi suất tái chiết khấu từ 4.5% còn 3%/năm. Bên cạnh đó, do tình hình sản xuất kinh doanh và tiêu dùng chưa phục hồi hoàn toàn và tình hình khó khăn của ngành BĐS làm cho khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế rất thấp. Cộng hưởng của những yếu tố này đã tạo ra hiện tượng “thừa tiền trong hệ thống ngân hàng” và đã thúc đẩy các ngân hàng liên tục hạ lãi suất huy động và cho vay. Cụ thể, so với thời điểm đầu năm, lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng VCB đã giảm từ 7.4% xuống còn 4.8%; TCB giảm từ 9% xuống còn 4.7%, MBB giảm từ 8% còn 4.8%, BIDV, Viettinbank và Agribank từ 7.4% còn 5%. Lãi suất cho vay bình quân cũng giảm từ 10.3% ở thời điểm đầu năm còn 9.3% ở thời điểm hiện tại. Như vậy, tại thời điểm hiện tại, lãi suất huy động đang duy trì ở mức rất thấp, thấp hơn nhiều so với trước dịch.
- Nhìn lại cả năm 2023, lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức khá cao giai đoạn đầu năm 2023 đến giữa tháng 6.2023. Cụ thể, lãi suất bình quân 6 tháng đầu năm 2023 kỳ hạn O/N, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt là 4.19%, 4.50%, 5.93%, 7.18% và 8.79%. Tuy nhiên, lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh cho thấy sự thanh khoản dồi dào ở giai đoạn 6 tháng cuối năm 2023. Cụ thể, lãi suất bình quân 6 tháng cuối năm 2023 kỳ hạn O/N, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt là 0.43%, 0.70%, 1.65%, 3.75% và 5.65%. Điều này là do, lãi suất điều hành giảm xuống trong khi tăng trưởng tín dụng thấp làm tăng thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Khi các ngân hàng khó cho vay nên không có nhiều áp lực huy động vốn trên thị trường liên ngân hàng và thị trường 1. Đây cũng là lý do làm cho lãi suất huy động giảm ở mức kỷ lục như hiện nay. Ở tuần cuối năm 2023, lãi suất liên ngân hàng có tăng lên, nhưng không nhiều, kỳ hạn O/N vẫn duy trì ở mức dưới 1%. Hơn nữa, hiện tượng tăng lên của lãi suất liên ngân hàng trong giai đoạn này chỉ mang tính mùa vụ ngắn hạn và không xảy ra tình trạng thiếu hụt thanh khoản.

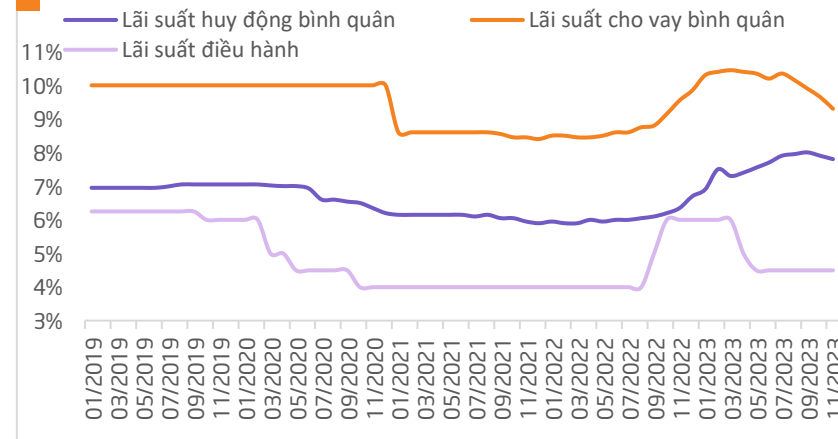
### Lãi suất liên ngân hàng từ đầu năm 2023 (%)



### Lãi suất huy động kỳ hạn một năm (%)



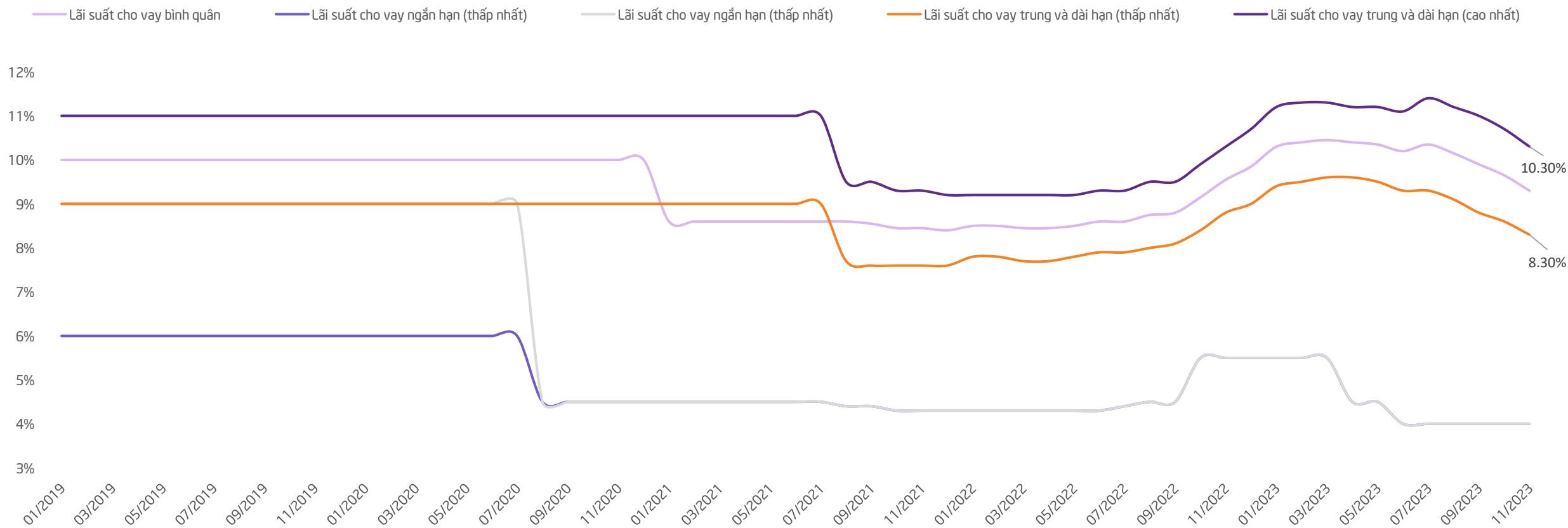
### Diễn biến lãi suất huy động và cho vay bình quân tháng (%)



# Tốc độ giảm của lãi suất cho vay có độ trễ so với lãi suất huy động

Mặc dù lãi suất huy động đã về vùng đáy nhưng lãi suất cho vay vẫn giảm chậm trong năm vừa qua. Điều này là do có tới 50% dư nợ tín dụng thuộc nhóm cho vay trung và dài hạn, thường 12 – 20 tháng. Do đó, giảm lãi suất cho vay trung và dài hạn có độ trễ nhất định so với lãi suất huy động. Cụ thể, lãi suất huy động kỳ hạn 1 năm của một số ngân hàng lớn đã giảm tới 4.5% - 5%/năm, nhưng lãi suất cho vay trung và dài hạn vẫn giao động trong khoảng 8.3% đến 10.3%/năm. Vì có độ trễ như vậy, nên khi lãi suất huy động bắt đầu giảm ở nửa cuối năm 2023 thì lãi suất cho vay sẽ bắt đầu giảm mạnh hơn trong năm 2024. TPS kỳ vọng, lãi suất cho vay có thể sẽ tiếp tục giảm thêm khoảng 1-2% trong thời gian tới và chạm đáy vào khoảng Q1-Q2/2024.

Lãi suất cho vay kỳ vọng chạm đáy vào quý I.2024 (%)

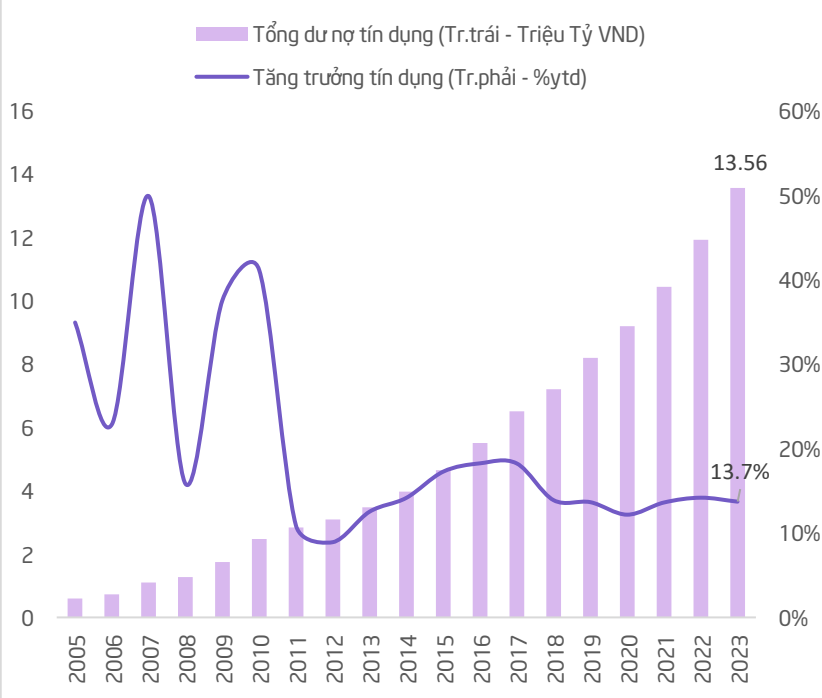




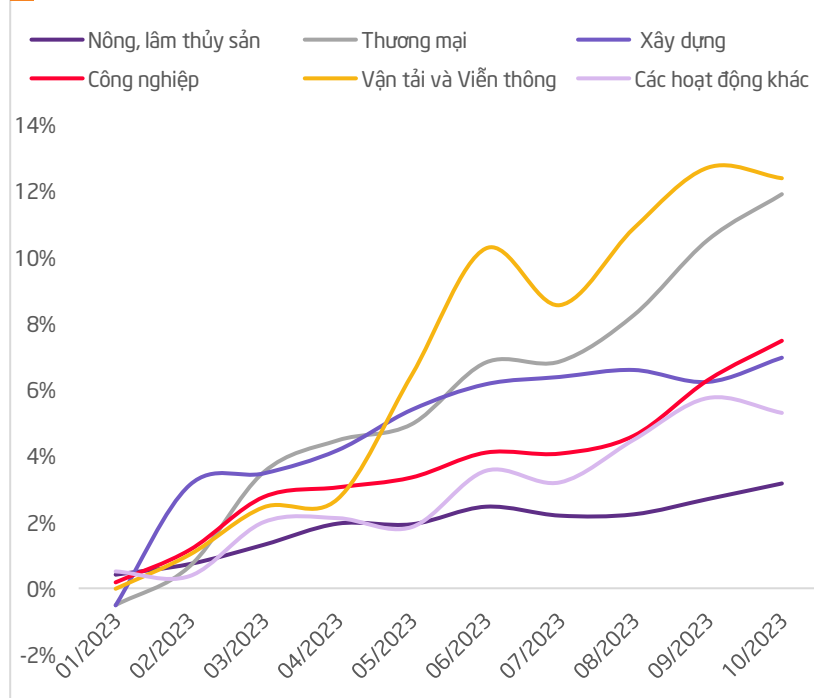
# Tăng trưởng tín dụng bất phá ở tháng cuối năm, đạt 13.71% trong năm 2023

- Do nền kinh tế khó khăn, các doanh nghiệp sản xuất chậm lại, dẫn đến khả năng hấp thụ tín dụng toàn nền kinh tế khá thấp trong 11T.2023. Cụ thể, tăng trưởng tín dụng 11 tháng đầu năm 2023 chỉ đạt 9.15%ytd so với 11 tháng đầu năm 2022 là 12.01%ytd. Tuy nhiên, nhờ sự phục hồi kinh tế, lãi suất cho vay giảm xuống, các chính sách hỗ trợ của Chính Phủ và nhiều chính sách ưu đãi của các ngân hàng thương mại, tăng trưởng tín dụng tăng mạnh ở những ngày cuối năm 2023, đặc biệt là 10 ngày cuối cùng của năm 2023. Cụ thể, tính đến ngày 21/12/2023, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt 11.09%(cùng thời điểm năm 2022 tăng 12.87%ytd) nhưng con số này đã tăng lên 13.71% tại ngày 28/12/2023. Tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống năm 2023 là 13.56 triệu tỷ đồng. Theo đó, ước tính khoảng 1.3 triệu tỷ đồng được bơm ra nền kinh tế.
- Năm 2024, NHNN đã giao định mức tăng trưởng tín dụng cho toàn hệ thống là 15%, ước tính khoảng 2 triệu tỷ đồng sẽ được đưa vào nền kinh tế. Các nhóm được ưu tiên gồm đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu.

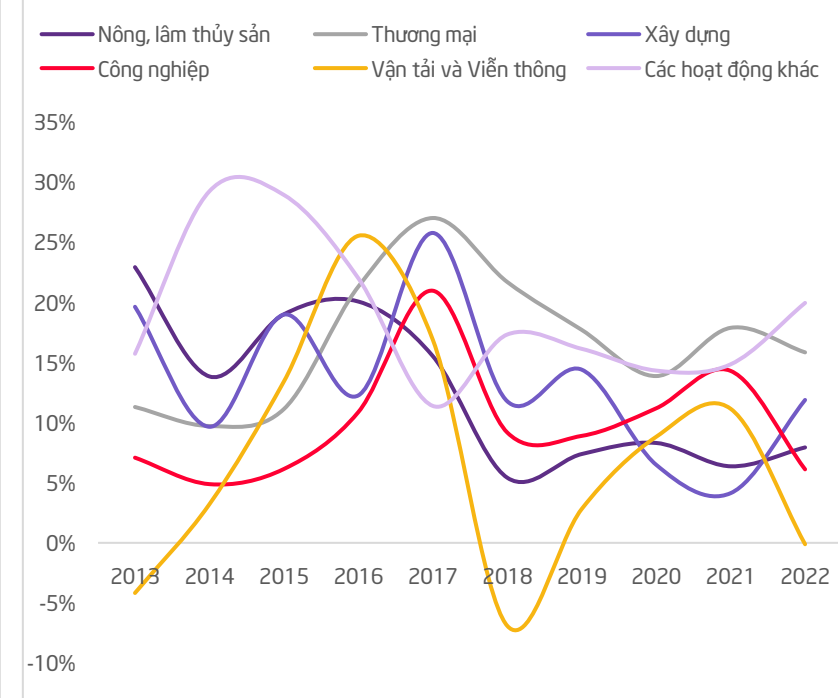
**Tổng dư nợ tín dụng và tăng trưởng tín dụng**



**Tăng trưởng tín dụng các tháng năm 2023 theo ngành (%ytd)**



**Tăng trưởng tín dụng các tháng năm 2023 theo ngành (%ytd)**



# Thống kê một số chỉ tiêu kinh tế chính của Việt Nam trong năm 2023

Chỉ báo vĩ mô	Đơn vị	Số liệu thực tế từ GSO 2023	Dự báo của TPS
Tốc độ tăng trưởng GDP	%YoY	5.05%	4.8%-5.5%
Lạm phát toàn bộ (CPI)	%YoY	3.25%	3.8%
Lãi suất huy động bình quân (Kỳ hạn 1 năm)	%	7.8%	6.0%
Lãi suất cho vay bình quân (Kỳ hạn 1 năm)	%	9.3%	9.65%
Tỷ giá ngân hàng thương mại	%YoY	3%	2.5% - 3.0%
Tăng trưởng tín dụng	%YoY	13.71%	14%-15%
Xuất khẩu	Tỷ USD	355.5	354
Nhập khẩu	Tỷ USD	327.5	327
FDI đăng ký	Tỷ USD	36.6	32.1
FDI giải ngân	Tỷ USD	23.18	23.3
Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	2.73%	1.9%

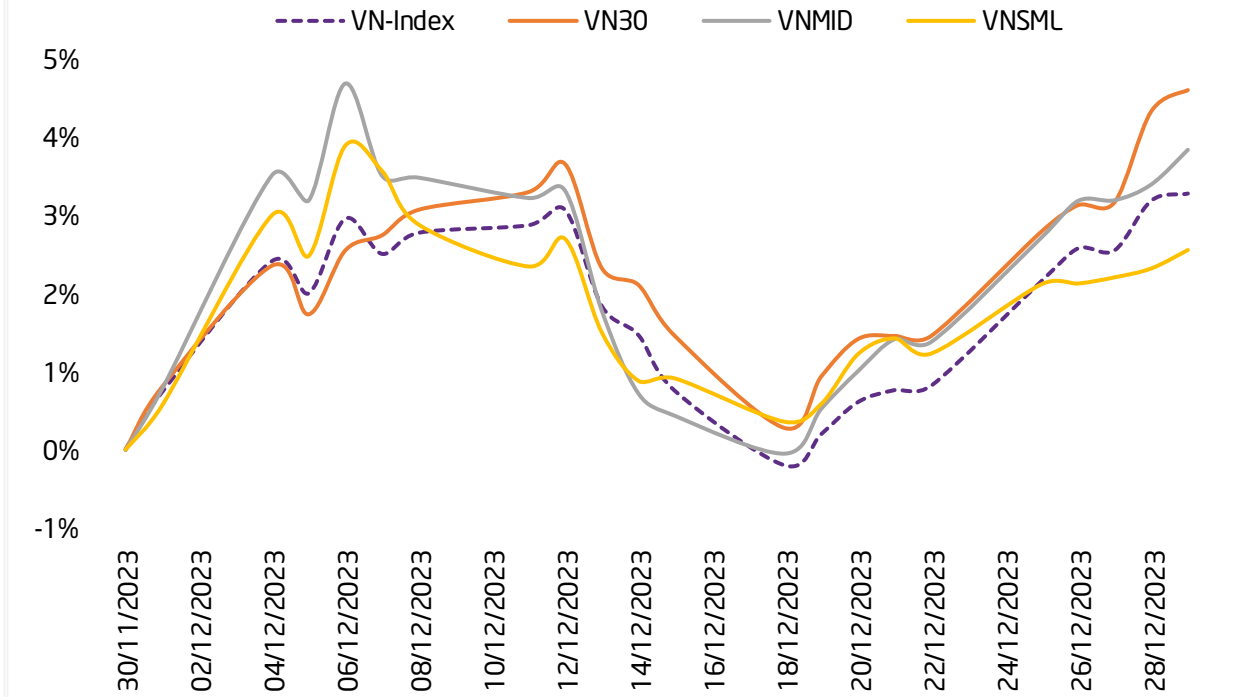


# DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

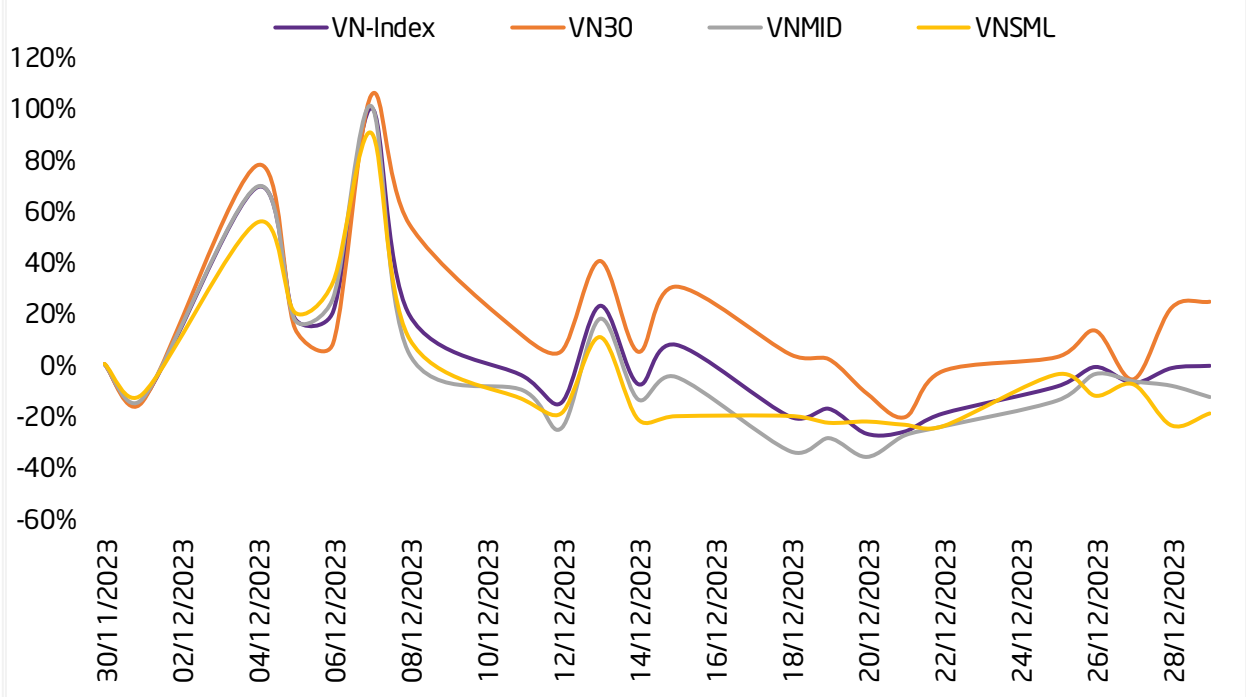
# VN30 bùng nổ trở lại bất chấp áp lực bán ròng từ khối ngoại

- Trong bối cảnh nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa (VNMID) chịu áp lực chốt lời sau giai đoạn dài đóng vai trò dẫn dắt cho VN-Index trong xuyên suốt năm 2023 thì nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (VN30) đã kịp thời có sự cải thiện trong tháng qua, từ đó giúp thị trường giảm thiểu thiệt hại từ VNMID và thành công tạo đáy tại mức 1,1080 điểm để mở ra xu hướng tăng mạnh mẽ ở đầu năm 2024.
- Thêm vào đó, sự tăng giá của VN30 đã ghi nhận sự ủng hộ về mặt dòng tiền khi dẫn đầu về giá trị giao dịch trong tháng 12/2023. Diễn biến này cho thấy dòng tiền đã bắt đầu tìm về nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và là tiền đề cho sự bứt phá của VN30 nói chung và nhóm ngân hàng nói riêng trong tuần giao dịch đầu tiên của tháng 01/2024.

### Tốc độ tăng trưởng các chỉ số chính trong tháng 12/2023



### Tốc độ tăng trưởng GTGD khớp lệnh của các chỉ số chính trong tháng 12/2023



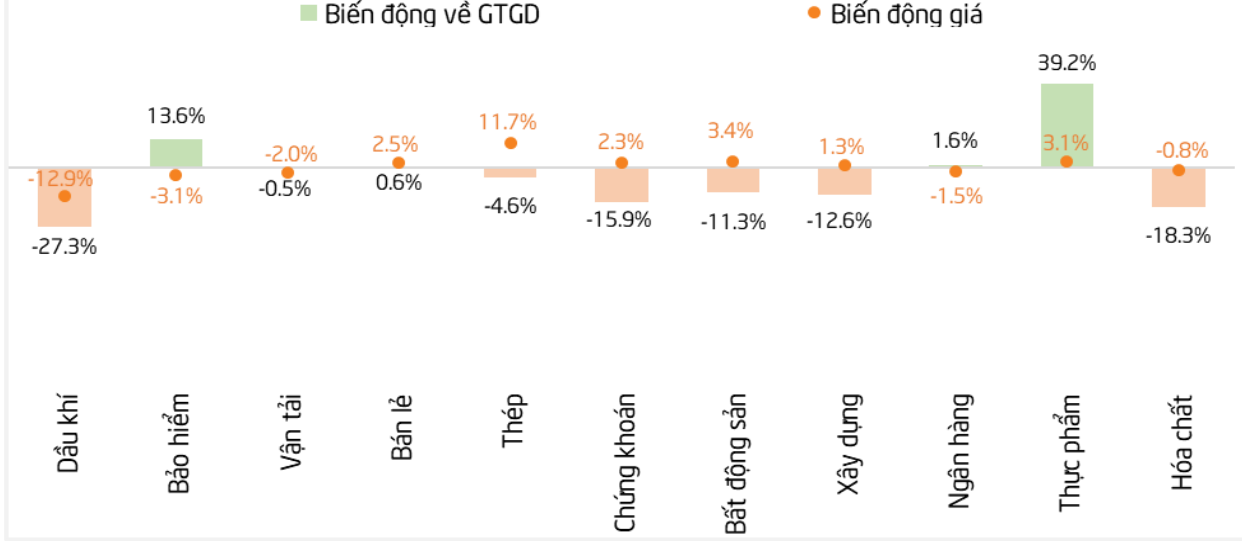
# Thanh khoản tiếp tục trầm lắng

Thanh khoản thị trường tiếp tục vận động ở mức thấp với giá trị trung bình gần 14,000 tỷ đồng/phiên, kém xa so với mức cao trong 10 tháng đầu năm 2023 là hơn 21,000 tỷ đồng/phiên. Sự trầm lắng về mặt thanh khoản diễn ra trong bối cảnh thị trường bước vào tháng cuối năm cùng việc thông tin KRX go live sẽ được công bố.

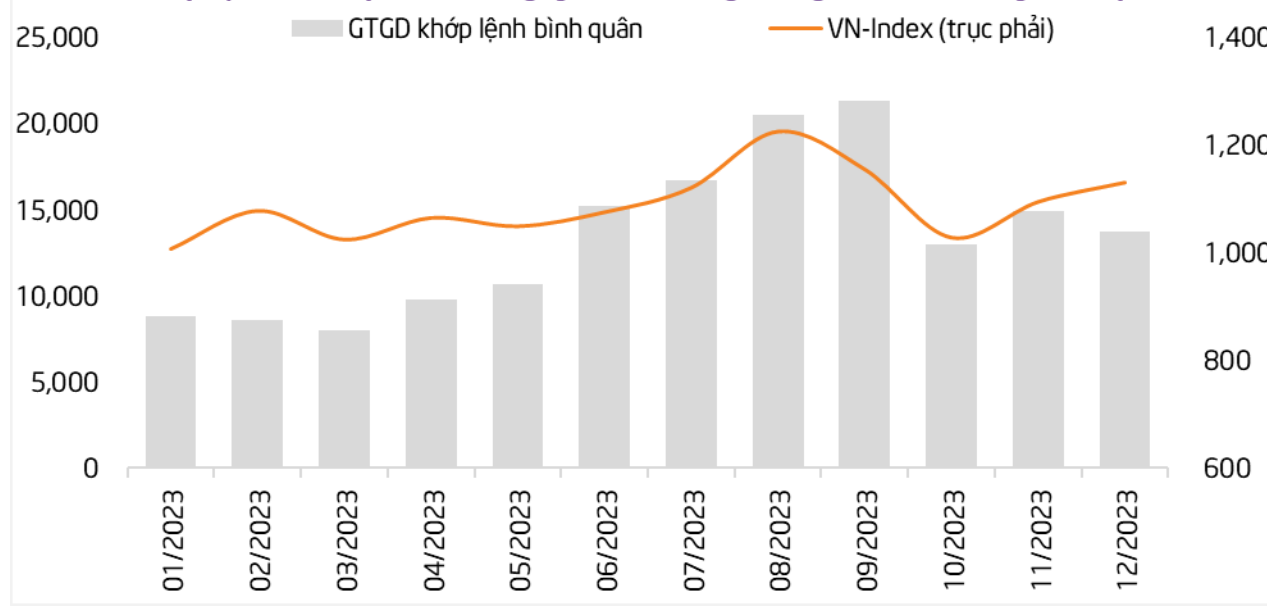
Việc thanh khoản suy yếu đã khiến diễn biến về mặt điểm số ở các nhóm ngành đều ghi nhận sự đi ngang. Trong đó, bộ 03 chiếm tỷ trọng giá trị giao dịch cao nhất là Ngân hàng, Bất động sản và Chứng khoán đều ghi nhận kết quả khiêm tốn đã khiến cho thị trường mất đi trụ cột dẫn dắt ở tháng 12/2023.

Xét về nhóm nhà đầu tư, cá nhân trong nước tiếp tục duy trì vị thế mua ròng tháng thứ 5 liên tiếp với giá trị hơn 8.3 nghìn tỷ đồng. Cùng với đó, tổ chức trong nước cũng hỗ trợ thị trường khi mua vào gần 800 tỷ đồng ở tháng qua, đánh dấu 3 tháng giải ngân liên tiếp. Ngược lại, khối ngoại nâng đà bán lên tháng thứ 6 liên tục và có phần tăng tốc ở tháng cuối cùng trong năm 2023 khi bán ra hơn 9 nghìn tỷ.

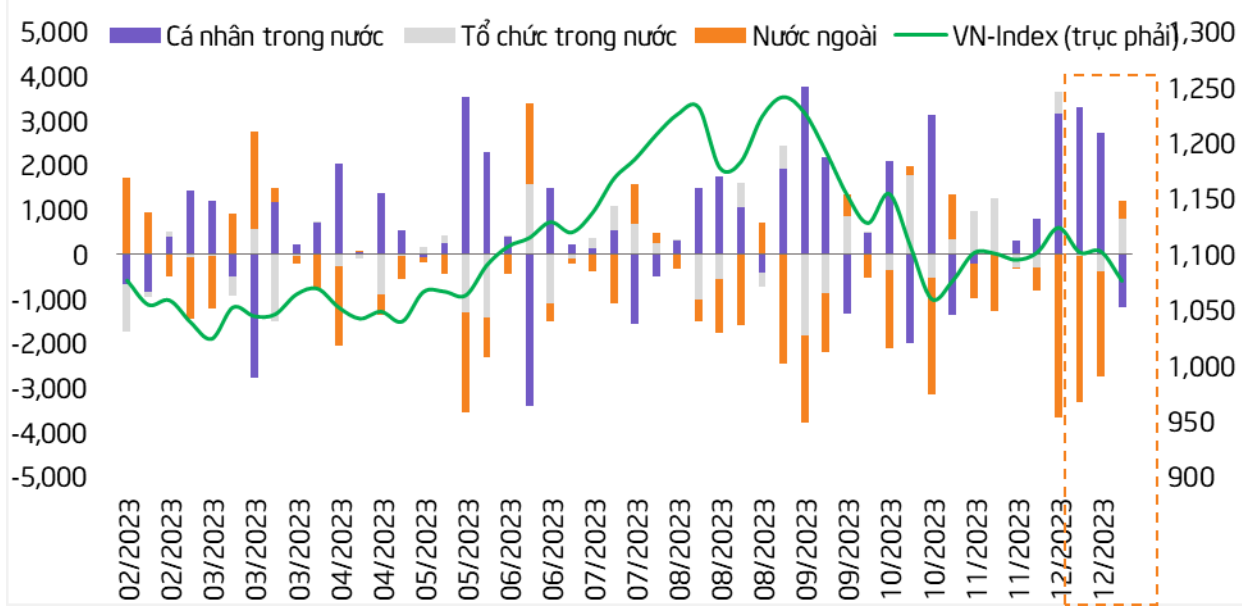
## Tăng trưởng dòng tiền và giá trị các nhóm ngành chính trong T12.2023 (%MoM)



## GTGD khớp lệnh bình quân trên ngày theo tháng trong 2023. Đvt: Tỷ VND/phiên



## GTGD khớp lệnh ròng theo tuần của từng nhóm NĐT từ 2023. Đvt: Tỷ VND



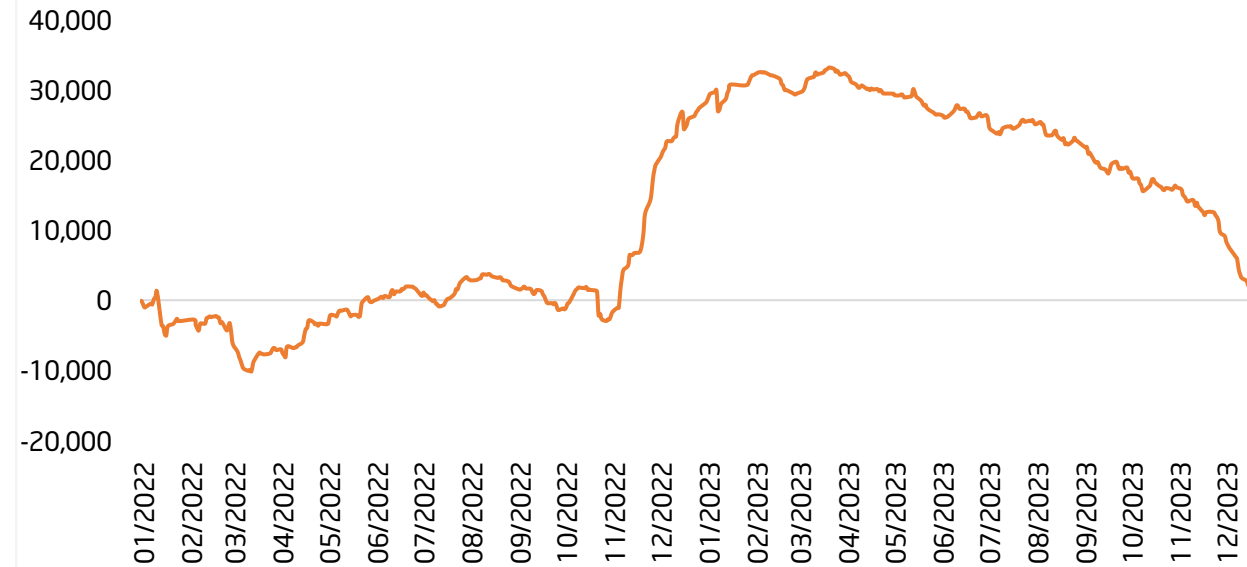
Nguồn: TPS, Research, FiinX

# Khối ngoại đẩy mạnh áp lực bán ở tháng cuối năm

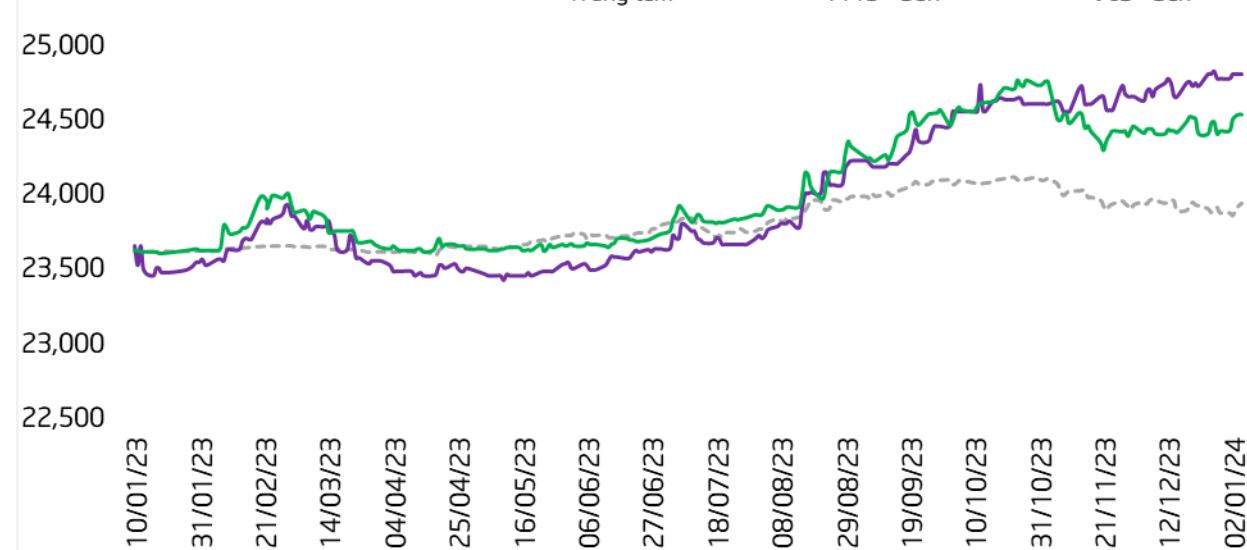
Khối ngoại duy trì đà bán ròng trong T12/2023 với giá trị khớp lệnh trên HOSE đạt hơn 9 nghìn tỷ đồng, nâng tổng giá trị bán ròng ở cả năm 2023 lên xấp xỉ 21 nghìn tỷ đồng. Các nguyên nhân chính dẫn đến động thái bán ròng mạnh của khối ngoại có thể kể đến như:

- **Nền kinh tế phục hồi không đạt kỳ vọng** khi tăng trưởng tín dụng và GDP lỡ hẹn mục tiêu năm. Cùng với đó, sản xuất vẫn còn yếu (PMI dưới 50) và việc mạo hiểm đánh đổi tăng trưởng với tỷ giá đã khiến USD/VND neo ở mức cao trong giai đoạn cuối năm, từ đó làm dấy lên lo ngại về câu chuyện tỷ giá.
- **Doanh nghiệp niêm yết (DNNY) hồi phục chậm.** Kết quả kinh doanh của các DNNY chưa đạt kỳ vọng, đặc biệt là nhóm ngân hàng vốn chiếm tỷ trọng cao nhất thị trường.
- **Định giá không quá hấp dẫn.** Việc tăng mạnh trong giai đoạn T06-09/2023 đã khiến định giá theo P/E của VN-Index vượt mức trung bình 10 năm.
- **Chốt lời.** Nhìn vào biến động của thị trường và dòng tiền đầu tư ròng của khối ngoại, có thể dễ dàng thấy được nhóm nhà đầu tư này đã khôn khéo giải ngân khi TTCK Việt Nam có mức chiết khấu lớn và định giá rơi về các mức thấp trong lịch sử. Sau đó, nhà đầu tư ngoại bắt đầu chốt lời dần khi thị trường bước vào nhịp tăng mạnh với thanh khoản bùng nổ. Nhịp bán này càng diễn ra quyết liệt hơn vào những tháng cuối năm.
- **Thay đổi chính sách ở các thị trường phát triển.** Đối với TTCK Mỹ và các nước phát triển, việc chính sách tiền tệ sẽ đảo chiều trong năm 2024 đã giúp dòng tiền tìm về các thị trường này. Đối với Thái Lan, từ ngày 01/01/2024, quy định mới cho phép các cơ quan chức năng đánh thuế thu nhập từ nước ngoài của các cá nhân đã có ảnh hưởng đến sự dịch chuyển dòng vốn của nước này tại Việt Nam trong thời gian qua.
- **Sự hấp dẫn từ các thị trường khác.** TTCK Mỹ đang cho thấy xu hướng tăng rõ nét và mạnh mẽ sau khi các chỉ số chứng khoán của nước này đều vượt đỉnh để mở ra triển vọng tăng dài hạn sau khi Fed phát đi các thông điệp đảo chiều chính sách. Trong khi TTCK Thái Lan đang có mức chiết khấu lớn (quanh 15%) sau năm 2023 đầy biến động.

**GTGD ròng lũy kế của NĐTNN từ 2023. Đvt: Tỷ đồng**



**Diễn biến tỷ giá USD/VND**



# Chi tiết diễn biến dòng tiền của khối ngoại trong T12.2023 và cả năm 2023

## Top Mua/Bán ròng của NĐTNN (Tỷ đồng) trong tháng 12/2023

Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng
MWG	183.14	VHM	1,224.17
VHC	110.37	VNM	951.74
CMG	99.42	HPG	943.81
BMP	88.04	FUEVFNVD	813.14
NVL	87.31	STB	738.25
BCM	85.07	SSI	501.84
NKG	83.62	VPB	427.68
DGC	63.34	VCB	427.28
FTS	62.50	MSN	373.54
PC1	51.17	SHB	346.02

## Top Mua/Bán ròng của NĐTNN (Tỷ đồng) trong năm 2023

Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng
HPG	2,726	STB	3,275
HSG	1,480	MWG	3,148
FRT	842	VPB	2,696
HDB	764	VHM	2,475
PDR	564	VNM	2,448
VCG	536	FUEVFNVD	2,250
PVD	434	MSN	1,991
NKG	406	DPM	1,377
SSI	374	CTG	1,209
KDH	327	MSB	1,196

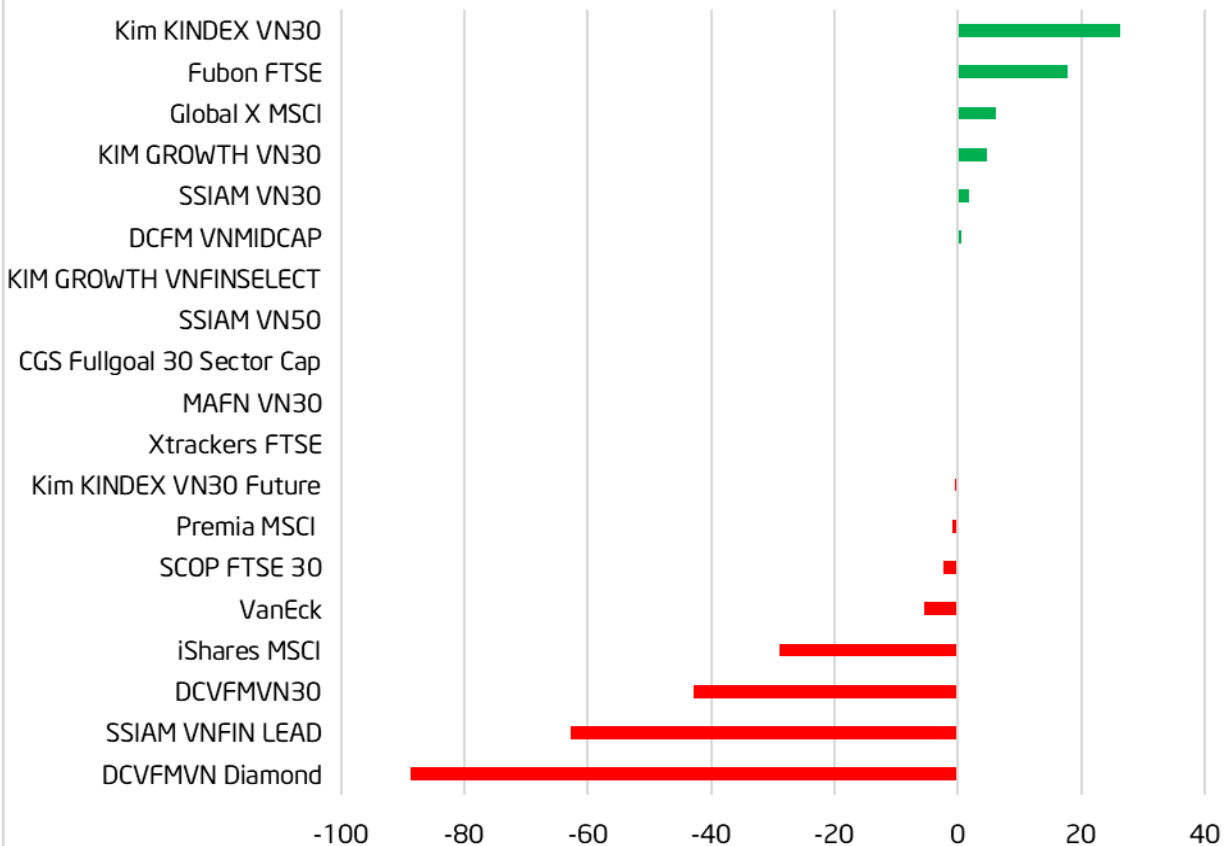
(Đvt: Tỷ đồng)	T12.2023	2023
VN30	(5,020.03)	(19,784.82)
VNMID	(1,897.96)	(1.82)
VNSML	(32.69)	381.10

(Đvt: Tỷ đồng)

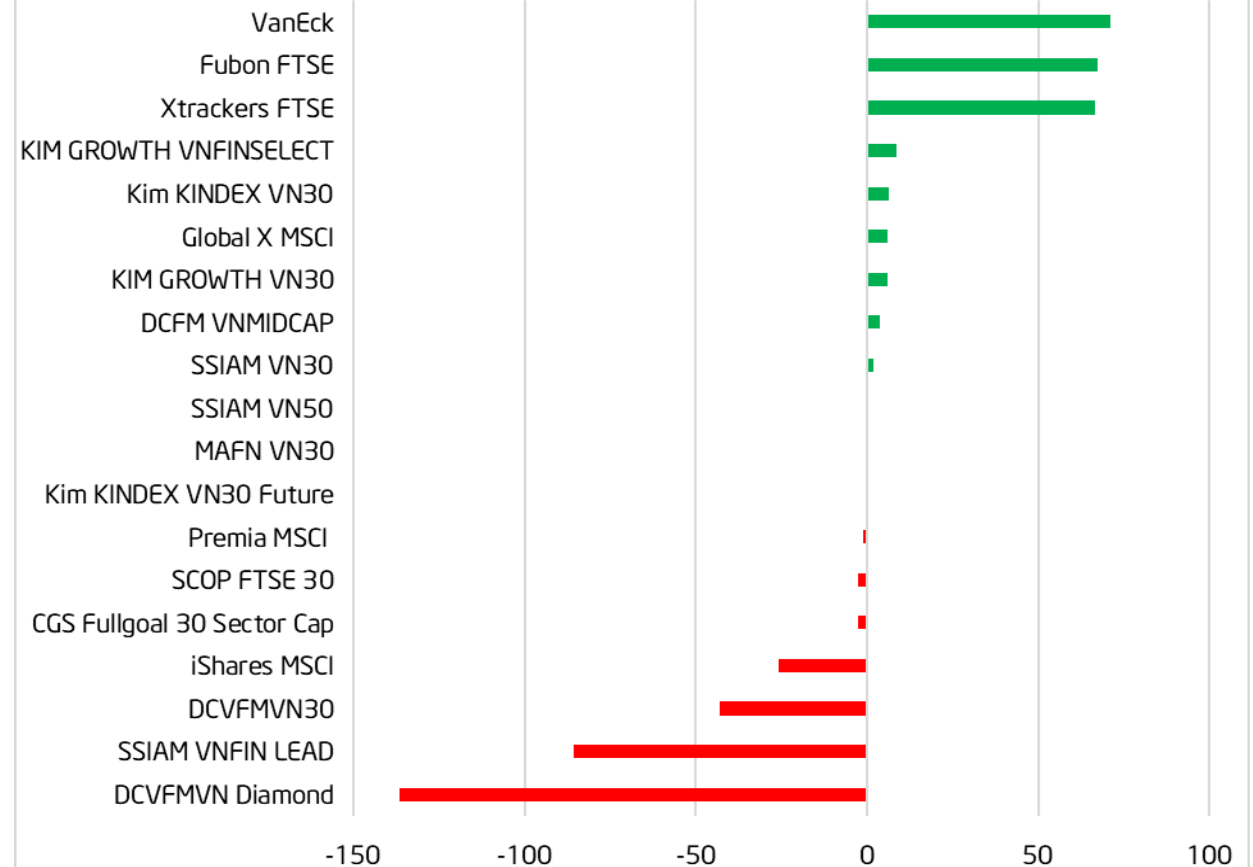
	T12.2023	2023
<b>Bất động sản</b>	<b>(1,702.98)</b>	<b>(2,786.60)</b>
Dầu khí	(18.71)	99.59
<b>Ngân hàng</b>	<b>(2,292.01)</b>	<b>(10,364.66)</b>
Y tế	(74.94)	152.11
Bán lẻ	93.32	(2,404.97)
Viễn thông	-	-
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	(380.74)	(1,245.87)
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	(219.90)	(636.23)
Bảo hiểm	(17.03)	44.02
<b>Tài nguyên Cơ bản</b>	<b>(944.78)</b>	<b>4,583.04</b>
Ô tô và phụ tùng	48.71	184.93
Công nghệ Thông tin	94.77	107.94
Hóa chất	58.15	(1,276.80)
Xây dựng và Vật liệu	6.19	724.17
Thực phẩm và đồ uống	(1,501.43)	(5,618.25)
Du lịch và Giải trí	(18.48)	238.18
Hàng cá nhân & Gia dụng	(28.66)	(138.07)
<b>Dịch vụ tài chính</b>	<b>(2,180.54)</b>	<b>(2,578.80)</b>
Truyền thông	4.66	(23.30)

- Trong năm qua, các ETF lớn hoạt động tại TTCK Việt Nam đều ghi nhận dòng tiền âm. Trong đó, DCVFMVN Diamond, SSIAM VNFINLEAD và DCVMVN30 là những ETF chứng kiến dòng vốn rút ròng mạnh nhất, đặc biệt là ở tháng 12/2023. Ngược lại, Fubon FTSE vẫn góp mặt trong nhóm tham gia tích cực nhất nhưng giá trị đầu tư thấp hơn đáng kể so với năm 2022.
- Chi tiết hơn, 2 ETF có huy động vốn từ TTCK Thái Lan là DCVFMVN Diamond và DCVMVN30 bị rút ròng mạnh trong những tháng cuối năm – thời điểm xuất hiện thông tin đánh thuế đối với khoản đầu tư ngoài nước đã được đề cập ở phần trên. Trong khi đó, do kết quả kinh doanh của nhóm ngân hàng có phần xấu đi trong năm 2023 và đặc biệt sau khi KQKQ Q3/2023 được công bố, SSIAM VNFINLEAD đã bị rút ròng quyết liệt

**Dòng tiền ròng của các quỹ ETF trong T12/2023. Đvt: Tỷ VND**



**Dòng tiền ròng của các quỹ ETF trong năm 2023. Đvt: Tỷ VND**

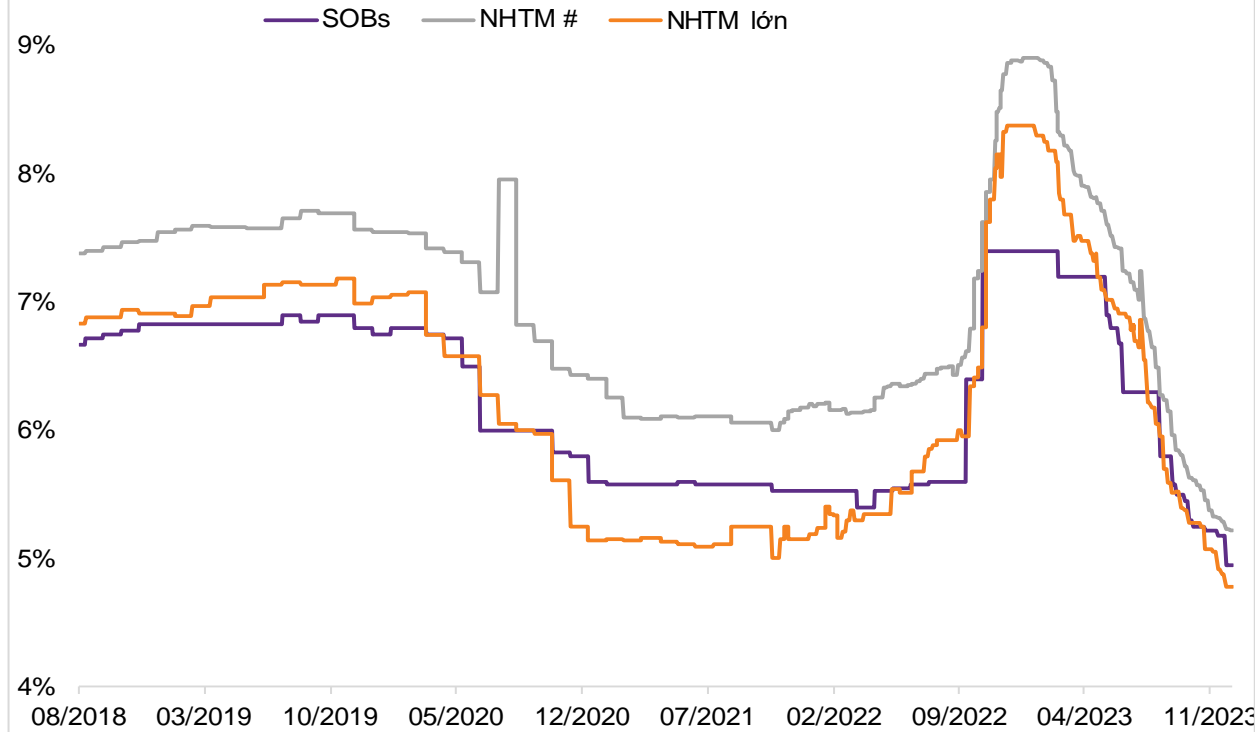




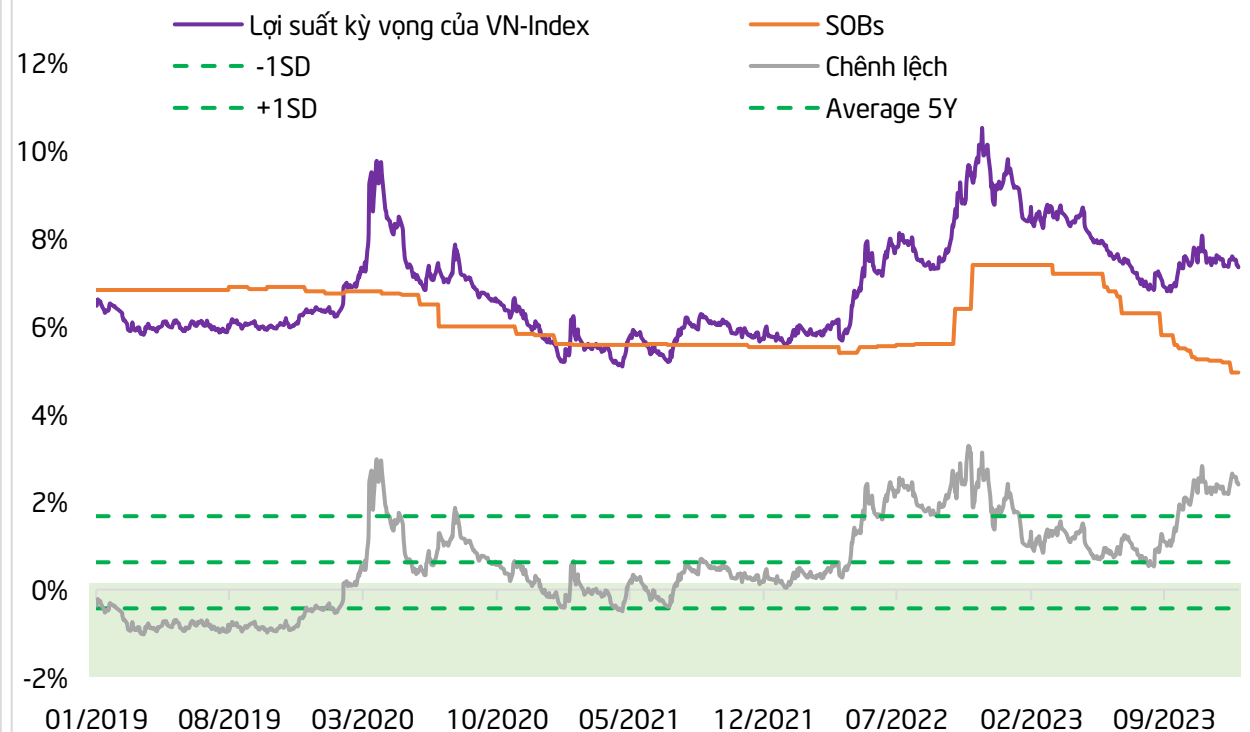
# Lãi suất huy động duy trì đà giảm giúp chứng khoán càng trở hấp dẫn hơn

- Trong tháng 12/2023, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại nhóm ngân hàng quốc doanh đã giảm về mức 4.95% so với mức đỉnh 7.4%. Kết quả này đã giúp gia tăng khoảng cách giữa E/P và lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 năm tại nhóm ngân hàng quốc doanh lên quanh 2.4%. Mức chênh lệch cao tương tự với giai đoạn tháng 06/2022, thời điểm mà thị trường có sức hấp dẫn lớn đủ để thu hút dòng tiền mua vào một cách đầy quyết liệt, đặc biệt là dòng vốn ngoại.
- Bên cạnh đó, với việc Fed và các NHTW lớn trên thế giới đã đi đến chặng cuối của quá trình thắt chặt và chính sách này sẽ đảo chiều ở năm 2024 sẽ giúp sức mạnh của đồng USD sụt giảm, qua đó giảm áp lực lên tỷ giá và giúp lãi suất trong nước duy trì ở vùng thấp. Yếu tố quan trọng để tạo ra môi trường hấp dẫn cho lớp sản phẩm đầu là chứng khoán.

**Mặt bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng sụt giảm trong năm 2023**



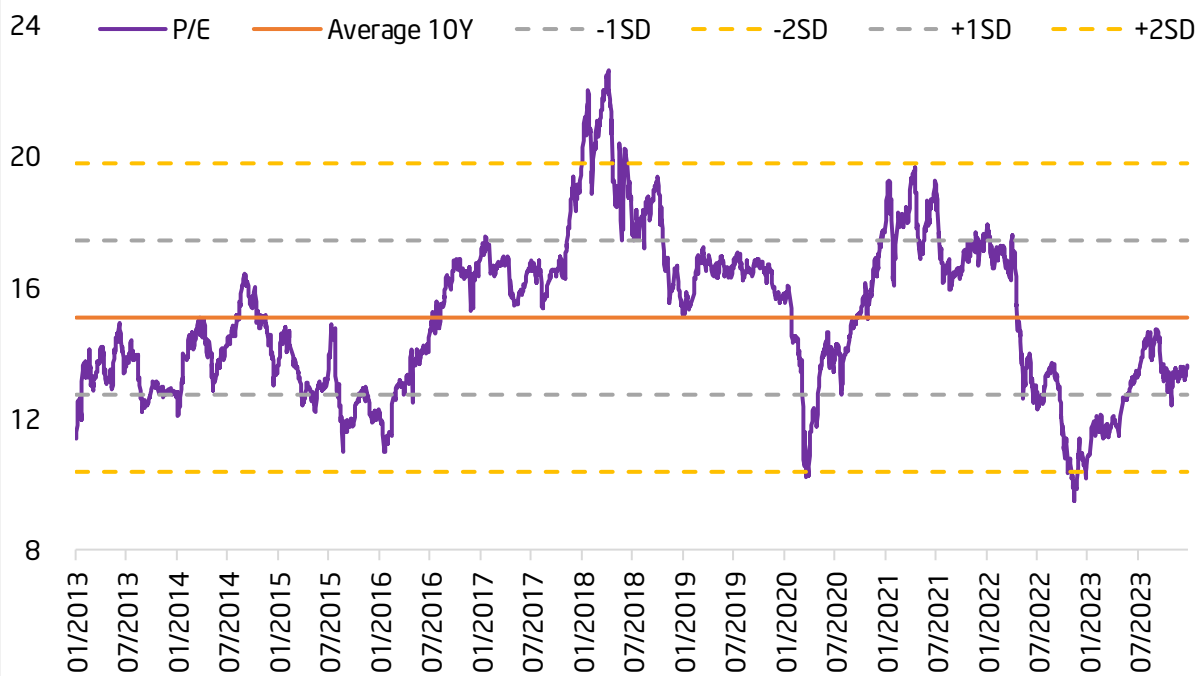
**Kênh chứng khoán trở nên đủ hấp dẫn khi chênh lệch lợi suất đang ở mức cao**



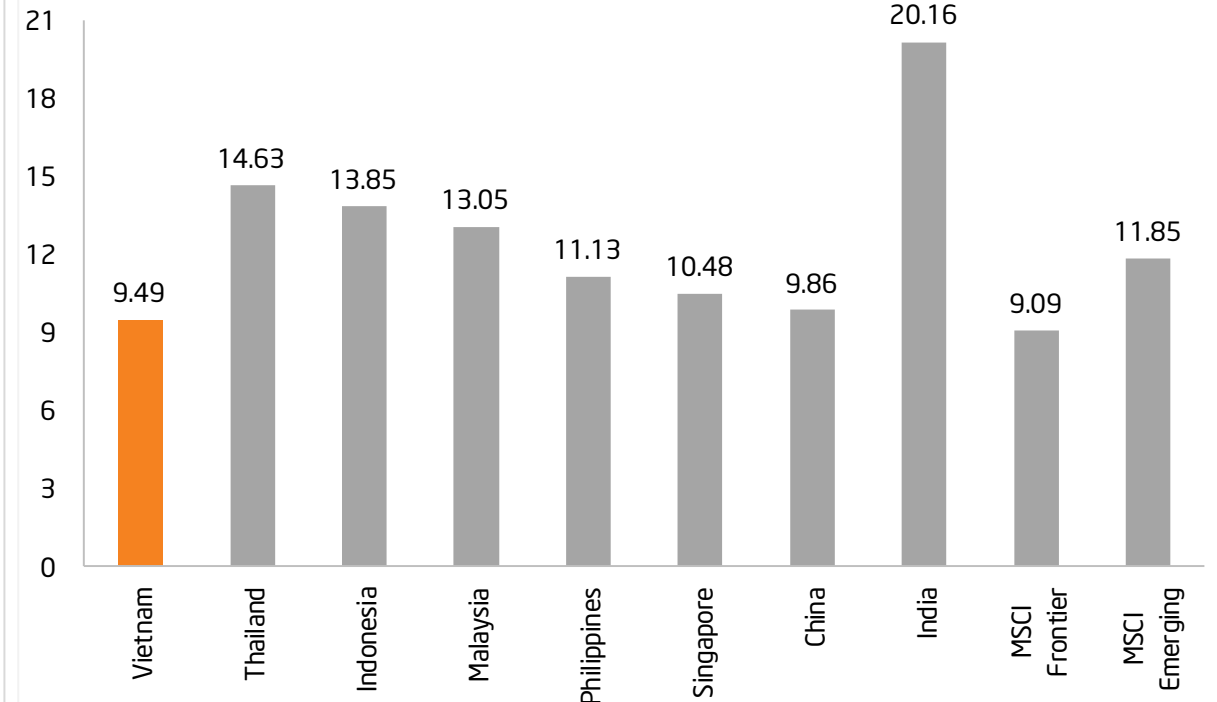
# Thị trường đang duy trì được mức chiết khấu so với trung bình 10 năm

- Định giá của VN-Index theo P/E đang biến động dưới mức trung bình 10 năm gần nhất và có những thời điểm điều chỉnh về quanh 1 độ lệch chuẩn. Nhìn về quá khứ, vùng định giá được chiết khấu như hiện tại là hoàn toàn hấp dẫn đối với vị thế giải ngân dài hạn khi chỉ số thường phải trải qua giai đoạn tích lũy tại đây trước khi bùng nổ để bước vào pha tăng kéo dài.
- Ngoài ra, VN-Index đang có mức P/E fw khá thấp vào khoảng 9.49 lần nếu so với các quốc gia trong khu vực. Điều này có ý nghĩa tích cực với việc thu hút dòng vốn ngoại. Bởi lẽ, nhóm nhà đầu tư nước ngoài sẽ có sự ưu tiên hơn cho những thị trường rẻ hơn để đầu tư, nhất là trong bối cảnh Việt Nam vẫn đang đặt mục tiêu nâng hạng từ cận biên lên mới nổi trong năm 2025 và 2026.

### Định giá P/E trong giai đoạn từ 2013



### So sánh PE fw các thị trường trong khu vực



Kịch bản tích cực	Kịch bản trung lập	Kịch bản tiêu cực
1.161-1,200	1,130-1,160	1,080-1,129
35%	50%	15%

Việc VN-Index đã thành công giữ vững hỗ trợ quan trọng quanh mức 1,080 điểm đã giúp thị trường giữ vững được kịch bản tích cực và trung lập của cả năm 2023 đã được phân tích trong báo cáo [Chiến lược năm 2024](#). Do đó, dựa vào biến động của chỉ số tại vùng cản 1,150-1,160 điểm (đỉnh tháng 10/2023) cùng việc thanh khoản đã có sự gia tăng mạnh mẽ trong hơn 1 tuần đầu tiên của năm 2024 nhờ sự trở lại của nhóm cổ phiếu vua – ngân hàng, chúng tôi chúng tôi đưa ra 03 kịch bản cho tháng 01/2024:

- Kịch bản **trung lập**, chúng tôi cho rằng thị trường vẫn sẽ cần thêm thời gian để hấp thụ áp lực bán tại vùng cản 1,150-1,160 điểm. Cùng với đó, nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa vẫn đang chịu áp lực chốt lời cao sau giai đoạn dài tăng giá.
- Kịch bản **tích cực**, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ thành công thoát khỏi mức cản 1,160 điểm để mở ra triển vọng tăng dài hạn hơn cho thị trường. Nếu kịch bản này xảy ra, VN-Index sẽ vẫn vận động đúng với kịch bản sóng Elliott Wave đã được đề cập ở báo cáo [Chiến lược năm 2024](#).
- Kịch bản **tiêu cực**, mặc dù thị trường đang khá tích cực cả về mặt thông tin, điểm số và thanh khoản nhưng chúng tôi cũng không loại trừ khả năng thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh bất ngờ khi các thông tin không mong muốn xảy ra. Bởi lẽ, căng thẳng tại Biển Đỏ, vấn đề bầu cử tại Đài Loan và kỳ họp của FED vẫn là những ẩn số mà nhà đầu tư cần quan tâm.

Ngành	Thông tin hỗ trợ
Ngân hàng	<ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Tăng trưởng tín dụng 2023 đạt 13.5%, trong mục tiêu 14-15% của NHNN</li> <li>(2) NHNN cấp tín dụng sớm 15% cho các NHTM</li> <li>(3) LNST Q4/2023 của 5/27 ngân hàng đã được công bố (gồm VCB, BID, CTG, STB, VIB) bật mạnh so với Q3/2023 (+18% QoQ) nhờ tín dụng tăng mạnh cuối năm và áp lực trích lập dự phòng dịu bớt.</li> <li>(4) Kỳ vọng NHNN sẽ sớm gia hạn Thông tư 02 năm giúp các ngân hàng chưa phải gia tăng trích lập nợ xấu.</li> </ol>
Chứng khoán	<ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Để đi đúng với lộ trình thăng hạng, Sở Giao dịch Chứng khoán đã liên tục đốc thúc để đưa hệ thống KRX vào vận hành trong Q1/2024.</li> <li>(2) KQKD 2023 của nhóm chứng khoán được dự báo sẽ tiếp tục đạt được các mức cao mới.</li> </ol>
Bất động sản	<ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Đỉnh điểm của việc trả nợ vay trái phiếu ở năm 2023 đã qua. Cùng với đó, thời điểm phải trả nợ vay cao ở tháng 12 cũng đã vượt qua. Do đó, dòng tiền được kỳ vọng sẽ sớm trở lại với nhóm bất động sản để giúp thanh khoản nhóm này gia tăng trở lại.</li> <li>(2) Thông tin TP. HCM mở đấu giá đất tại Thủ Thiêm được kỳ vọng sẽ tạo động lực cho nhóm cổ phiếu bất động sản như (DXG, PDR, NVL).</li> </ol>

# Quan sát tín hiệu tại vùng 1,150-1,160 điểm

Chỉ số VNINDEX · 1D - O1159.42 H1162.56 L1155.48 C1160.19 +5.51 (+0.48%)

4



hàng 6 13 Tháng 7 13 Tháng Tám 11 Tháng 9 15 Tháng 10 12 Tháng 11 13 Tháng Mười hai 13 2024 12

# Danh mục cổ phiếu khuyến nghị tháng 01/2024 theo PTKT

STT	Mã CP	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Kháng cự	Hỗ trợ
1	NLG	37,000 - 37,500	40,000	36,400	38,500	36,900

2	MWG	43,000 - 43,500	46,500	41,900	44,400	42,200
---	-----	-----------------	--------	--------	--------	--------

3	TCH	13,000 - 13,200	14,700	12,500	13,600	12,800
---	-----	-----------------	--------	--------	--------	--------

STT	Mã CP	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Kháng cự	Hỗ trợ
4	STB	29,000 - 29,300	32,000	28,300	29,800	28,800

5	SHB	11,300 - 11,600	12,700	10,800	11,800	11,000
---	-----	-----------------	--------	--------	--------	--------

6	CTS	28,500 - 29,000	32,800	26,900	30,000	27,800
---	-----	-----------------	--------	--------	--------	--------

## TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

### Analyst

Trần Trung Hiếu

028 7301 3839 (Ext 568)

hieutt1@tpbs.com.vn

### Economist

Phan Thị Liên

028 7301 3839 (Ext 574)

lienpt@tpbs.com.vn

### Head of Research


Ngô Thị Lệ Thanh

028 7301 3839 (Ext 121)

thanhnt@tpbs.com.vn

## LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIEN PHONG (TPS)

 028 7301 3839

 [tt.pt@tpbs.com.vn](mailto:tt.pt@tpbs.com.vn)

 <https://www.tpbs.com.vn/>